



CÔNG TY CP MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa
Điện thoại: (+84) 037.3834091
Fax: (+84) 037 3834092
Email: lasuco@hn.vnn.vn
Website: www.lasuco.com.vn

Design by www.hali.vn

HỢP TÁC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÌ CỘNG ĐỒNG

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN



Mô hình liên kết hợp tác
CÔNG – NÔNG – TRÍ tiếp tục
được phát huy. Diện tích vùng
nguyên liệu tiếp tục được mở
rộng, đạt 15.300 ha, tăng 21% so
với năm 2010, vụ 2011 -2012 sản
lượng mía đạt hơn 1 triệu tấn.

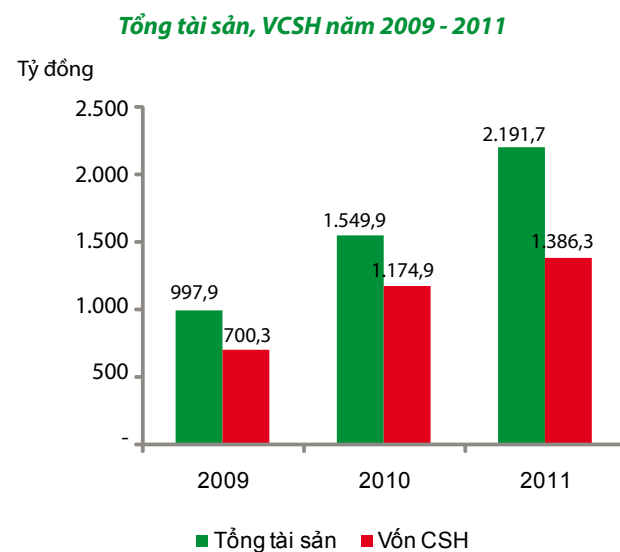
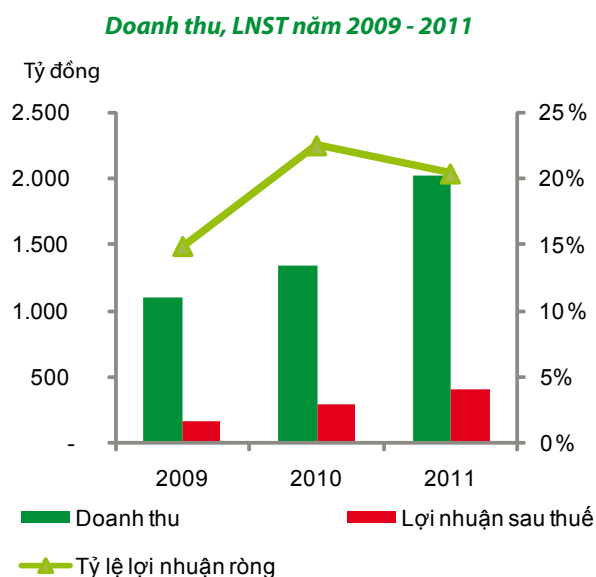


Báo cáo thường niên
2011

“ Tiếp tục phát huy mô hình liên kết hợp tác Công – Nông – Trí. Mở rộng diện tích vùng nguyên liệu, đạt 15.300 ha, tăng 21% so với cùng kỳ năm ngoái. Sản lượng mía đạt 1 triệu tấn, tăng 32% so với vụ 2010-2011. ”

“ Đầu tư nâng cấp nhà máy đường số 2 từ 4.000 TMN lên 8.000 TMN. Nâng tổng công suất toàn Công ty lên 10.500TMN- Trở thành nhà máy hiện đại với công suất thiết kế lớn nhất cả nước. ”

“ Sản lượng tiêu thụ trên thị trường đạt 8% thị phần trong ngành toàn mía đường Việt Nam. Giải quyết hài hòa mối quan hệ phân phối lợi ích giữa: Nhà nước – Nhà máy – Cổ đông – Người trồng mía. ”



04 THÔNG ĐIẾP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

08 TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP

- 08 Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi
- 12 Quá trình phát triển của công ty
- 14 Những thành tựu nổi bật năm 2011

20 LỢI THẾ CỦA LASUCO

- 22 Các dự án đang triển khai

24 BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

- 26 Thành viên của Hội Đồng Quản trị
- 27 Hoạt động Hội Đồng Quản trị năm 2011
- 28 Thành viên của Ban Kiểm soát
- 29 Hoạt động của Ban kiểm soát
- 30 Chiến lược của công ty giai đoạn 2011 - 2015

31 BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 31 Thành viên Ban Tổng giám đốc
- 32 Hoạt động của Ban Tổng giám đốc
- 33 Kết quả hoạt động kinh doanh

40 TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

43 THÔNG TIN VỀ CỔ PHIẾU VÀ HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

47 CÁC THÔNG TIN KHÁC

- 48 Trách nhiệm xã hội
- 49 Công ty con và công ty liên kết

54 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

“ **Hợp tác phát triển bền vững - vì cộng đồng, kinh doanh cùng người nghèo, Lấy sức dân để làm cho dân gắn với sự nghiệp xây dựng nông thôn mới trên vùng mía đường Lam Sơn.** ”

Thưa Quý cổ đông và Nhà Đầu tư!

Năm 2011, với truyền thống LASUCO và bản lĩnh của một đơn vị Anh hùng Lao động Thời kỳ đổi mới đã phấn đấu nỗ lực vượt lên trên những khó khăn thử thách chung của nền kinh tế, tạo ra bước phát triển mới ngoạn mục **Hoàn thành xuất sắc các mục tiêu nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011** (ngày 26/4/2011) để ra, tạo thế và lực mới vững chắc cho bước phát triển trong những năm sau.

So với năm 2010, Tổng doanh số tăng 33%; Lợi nhuận sau thuế tăng 38%; Nộp ngân sách cho Nhà nước tăng 36%; Tổng tài sản tăng 39%; Vốn chủ sở hữu tăng 19%; Chi trả cổ tức năm 2010 cho cổ đông: 60% (bằng tiền 35%, bằng cổ phiếu là 25%); Chỉ số EPS đạt 9.150 đồng/cổ phiếu, giá cổ phiếu luôn ở mức ổn định, tương đối cao, được các nhà đầu tư thường xuyên quan tâm chăm sóc.

Vùng nguyên liệu được mở rộng lên 15.300ha (tăng 3.000ha), sản lượng đạt trên 1 triệu tấn, tăng 32% so với vụ trước.

Trong năm đã triển khai thành công bước đầu chương trình: Tận dụng, thuê quyền sử dụng đất lâu dài, hợp tác cùng nông dân và địa phương tổ chức xây dựng các cánh đồng mẫu lớn, ứng dụng cơ giới và công nghệ sinh học sản xuất mía nguyên liệu hàng hóa quy mô lớn đạt năng suất cao. Thành lập mới đưa vào hoạt động 2 công ty cổ phần đầu tư phát triển cấp huyện (Bá Thước, Như Xuân), 1 công ty cổ phần và 3 xí nghiệp công nông nghiệp dịch vụ cấp xã, nhằm tạo ra nguồn nguyên liệu chất lượng cao ổn định, vững chắc, bảo đảm nhu cầu phát triển bền vững và hiệu quả cao của Công ty trong những năm tới.



Dự án mở rộng công suất và nâng cấp công nghệ nhà máy đường số 2 từ 4.000 lên 8.000 TMN, gắn với nhà máy điện năng lượng tái tạo công suất 12,5 MW/h, đã được đưa vào sản xuất từ đầu tháng 3 năm 2012, nâng công suất chế biến lên 10.500TMN, năng lực sản xuất tăng thêm 60%. Các dự án khác theo NQ Đại hội cổ đông 2011 giao đã và đang thực hiện có kết quả. Nguồn nhân lực tăng lên cả về số lượng và chất lượng với tay nghề cùng tâm huyết gắn bó với doanh nghiệp, Thương hiệu LASUCO tiếp tục được tôn vinh, 5 năm liên tục (2007-2011) nằm trong TOP “500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam”, 4 năm liên được vinh danh TOP “1000 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cao nhất” và nhiều phần thưởng cao quý khác.

Những kết quả đạt được trong năm qua tiếp tục **khẳng định vị thế mới của LASUCO không chỉ bằng nguồn lực vật chất mà còn là niềm tin và sự tín nhiệm** trao gửi vô cùng lớn lao. Đặc biệt, từ những kết quả và hiệu quả sản xuất mía đường Lam Sơn đã bổ sung cho định hướng phát triển kinh tế chung của Tỉnh nhà trong thời kỳ mới **“Công nghiệp mía đường là sản phẩm chủ lực của Tỉnh với mục tiêu từ nay đến năm 2020 sản xuất 500.000 tấn đường/năm, xây dựng thương hiệu quốc gia mía đường Tỉnh Thanh, trong đó lấy Lam Sơn là cốt lõi”**.

Có được những thành tựu to lớn trong năm qua, công đầu thuộc về đội ngũ lao động, đội ngũ kỹ sư, quản lý trong Công ty đã ngày đêm đoàn kết, lao động sáng tạo, cần mẫn hết mình với ý thức trách nhiệm và kỷ luật cao vì danh dự và vì sự tồn tại, phát triển của LASUCO rất đáng được biểu dương, tôn vinh; Là thành công của sự hợp tác liên kết bền vững, chung sức và chia sẻ của hơn 20.000 nông dân trồng mía, cùng với sự lãnh đạo, chỉ đạo, động viên khích lệ của các cấp ủy và chính quyền địa phương từ Tỉnh đến các huyện và 113 xã vùng mía đường Lam Sơn; Có sự đóng góp và sự hợp tác, ủng hộ quan trọng của các bạn hàng, các đối tác, các nhà đầu tư, và đặc biệt là đông đảo cổ đông hậu thuẫn và động lực thúc đẩy LASUCO vượt lên khó khăn vững bước đi lên.

Thưa quý vị!

Năm 2012 đã qua 1/4 thời gian, thực trạng nền kinh tế của thế giới và trong nước cùng những diễn biến phức tạp của thời tiết khí hậu, **ngành công nghiệp mía đường thế giới đang phải đối mặt với một thời kỳ biến động** nhưng cũng đầy sôi động, công cuộc cải cách trong sản xuất và thương mại đến tiêu dùng và giá cả đối với sản phẩm đường và các sản phẩm sau đường như: cồn, cồn nhiên liệu, năng lượng... **đang có những biến động lớn**, các nước đang phát triển chiếm hơn 70% tổng sản lượng **đang dẫn dắt và chi phối thị trường đường toàn cầu**. Hiệp định tự do thương mại đang là quy tắc cho khu vực ASEAN. Tại các quốc gia Campuchia, Lào, Indonesia, Malaysia, Thái Lan, Myanmar... và ngay cả Việt Nam đều đã và đang sẵn sàng đầu tư mới với những dự án rất lớn vào ngành mía đường... đặt ra những **thách thức mới vô cùng lớn** đối với ngành mía đường Việt Nam và LASUCO.

Mục tiêu, chủ trương và giải pháp năm 2012:

- **Doanh số (có VAT): 2.300 tỉ đồng, tăng 38% so với 2011; Lợi nhuận trước thuế: 300 tỉ đồng; Cổ tức: 25%; Nộp ngân sách: 200 tỉ đồng; Sản lượng mía nguyên liệu: 1,2 triệu tấn; Sản lượng đường: 130.000 tấn, tăng 60% so với năm 2011; Sản lượng cồn thực phẩm: 10-12 triệu lít, tăng 100% so với 2011.**

- Tập trung đầu tư và nâng cao hiệu quả ngành sản xuất cốt lõi: **Mía đường – Cồn – Điện**; Phát triển thị trường trong nước. Cùng cố và làm tốt hơn quan hệ hợp tác, giải quyết hài hòa lợi ích với các bạn hàng truyền thống; Phát triển hệ thống phân phối và đại lý bán hàng tại các thị trường nông thôn, xúc tiến mở quan hệ xuất nhập khẩu, chuẩn bị mở rộng trong các năm tới. Hoàn thiện các cơ chế quản trị doanh nghiệp từ công ty mẹ đến các đơn vị thành viên và các đơn vị trực thuộc. Tăng cường quản lý, phân công, phân cấp minh bạch, công khai, lấy hiệu quả và nâng cao chất lượng tăng trưởng là thước đo đánh giá kết quả cống hiến của từng cá nhân và đơn vị.

- Tiếp tục và đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả **“Hợp tác cùng các địa phương, phát triển bền vững vì cộng đồng”** tăng nhanh nguồn lực tài chính, phát triển nguồn nhân lực cao gắn bó với doanh nghiệp, hợp tác cùng nông dân và địa phương chung tay góp sức thúc đẩy chương trình xây dựng nông thôn mới, triển khai chương trình tậu đất, thuê quyền sử dụng đất lâu dài xây dựng và phát triển bền vững vùng nguyên liệu và khai thác phát huy tiềm năng tài nguyên trong vùng, từng bước phát triển vững chắc và hiệu quả một số ngành phù hợp có lợi thế lớn, đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ mới, tạo nguồn lực mới, năng lực mới cho bước phát triển tới.

Mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch 2012 rất lớn trong hoàn cảnh mới, bối cảnh mới đặt ra những thách thức mới, với bản lĩnh và truyền thống của “Đơn vị Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới” của khối hợp tác liên kết công nông bền vững của hai vạn nông dân trồng mía, được sự lãnh đạo động viên giúp đỡ của các cấp ủy chính quyền Tỉnh Thanh Hóa, của 11 huyện và 113 xã cùng nhân dân vùng mía đường Lam Sơn, chúng ta hãy nắm chặt tay nhau, phát huy tối đa những gì đã có, tạo thêm những điều kiện cần có vững bước đi lên.

Chúng tôi đặt niềm tin tưởng, sự hợp tác chung sức chung lòng của các cổ đông, của các nhà đầu tư thường xuyên quan tâm và chăm sóc vì một LASUCO vững mạnh, phát triển trong thời kỳ hội nhập.

Xin trân trọng cảm ơn./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Anh hùng Lao động **LÊ VĂN TAM**

• **Tầm nhìn**

Xây dựng và phát triển tập đoàn kinh tế Công - Nông nghiệp - Du lịch - Dịch vụ - Thương mại và bất động sản Lam Sơn ngày càng lớn mạnh góp phần xây dựng thương hiệu Quốc gia: Mía Đường Xứ Thanh.

• **Sứ mệnh**

“Hợp tác phát triển bền vững – vì cộng đồng” mang lại lợi ích cho cộng đồng, cho cổ đông, nhà đầu tư, người trồng mía, người lao động; Đảm bảo giải quyết hài hòa các mối quan hệ, có tinh thần trách nhiệm cao với xã hội và môi trường.

Xây dựng, phát triển và tôn vinh thương hiệu LASUCO thành một thương hiệu mạnh, uy tín trong nước và nước ngoài.

Tạo ra một lực lượng lao động trí thức trẻ năng động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao có tâm, có tầm để xây dựng doanh nghiệp ngày càng giàu mạnh và phát triển ổn định, bền vững.

Tham gia đóng góp tích cực vào các hoạt động xã hội hướng về cộng đồng, thể hiện tinh thần tương thân tương ái và trách nhiệm công dân đối với đất nước.

• **Giá trị cốt lõi**

Chất lượng – Uy tín – Hiệu quả: Lấy chất lượng là hàng đầu, luôn uy tín trong mọi cam kết, lấy thước đo hiệu quả trong mọi công việc.

Trách nhiệm – Thân thiện – Bền vững: Giữ trách nhiệm đến cùng, luôn tạo quan hệ thân thiện nhân văn, xây dựng bền vững các mối quan hệ trên cơ sở cùng có lợi.

Tự chủ - Năng động – Sáng tạo: Luôn tự chủ trong mọi công việc, phản ứng linh hoạt, năng động và luôn sáng tạo trong mọi tình huống, mọi thử thách, mọi khó khăn để đạt mục tiêu cuối cùng đã cam kết.

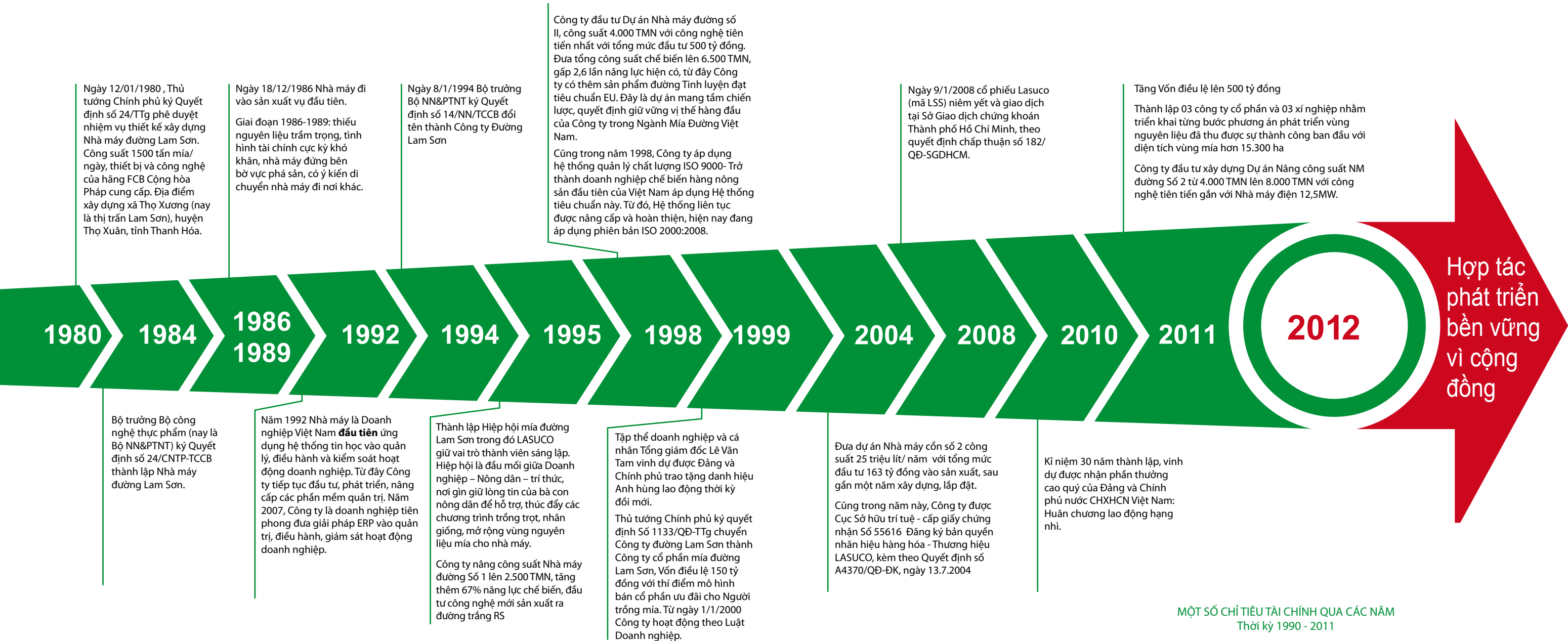


NHÀ MÁY ĐƯỜNG SỐ 2

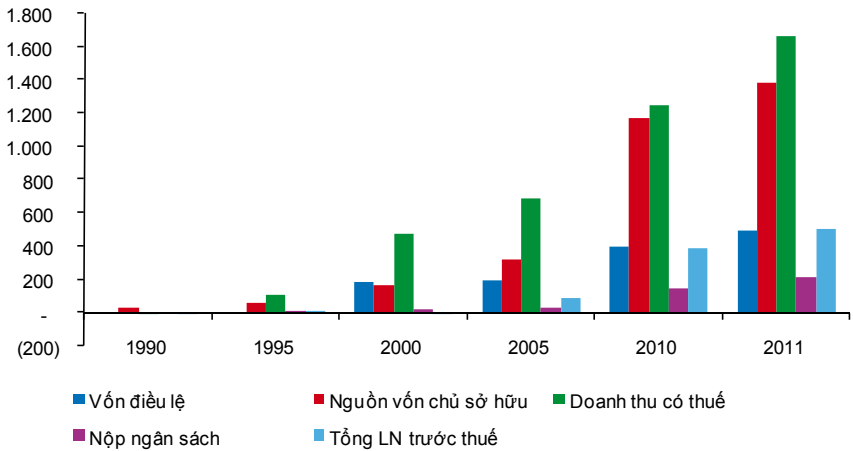
Sau gần một năm xây dựng và lắp đặt bổ sung hơn 4000 tấn thiết bị, Nhà máy đường số 2 công suất 8000 TMN chính thức đi vào hoạt động từ đầu tháng 3/2012 nâng tổng công suất của Lasuco co lên 10.500 TMN, tăng thêm 62% năng lực sản xuất so với trước khi đầu tư.



QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY



MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH QUA CÁC NĂM
Thời kỳ 1990 - 2011



NHỮNG SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2011

1 Năm 2011 tốc độ tăng trưởng ngoạn mục so với năm 2010: Doanh thu tăng 33%; Lợi nhuận tăng 29%; Nộp ngân sách tăng 36%; Tổng tài sản tăng 39%, tích lũy vốn chủ sở hữu tăng 19 %, góp phần quan trọng nâng cao vị thế Lasuco.



2 Khởi công xây dựng Dự án nâng công suất NMT số II từ 4000 lên 8000 TMN và dự án nhiệt điện 12,5MW với công nghệ tiên tiến nhất. Đưa năng lực sản xuất của Công ty tăng 62%, một lần nữa khẳng định vị thế hàng đầu của Lasuco trong Ngành Mía Đường Việt Nam.

3 Ngày 26/04/2011 Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011. Đại hội đã bầu ra Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2011-2015, xác định chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh **“Hợp tác phát triển bền vững vì cộng đồng”**.



4 Ngày 22/11/2011, Công ty được vinh danh top 1000 doanh nghiệp đóng thuế thu nhập lớn nhất Việt Nam (năm 2011 tăng hạng từ 302 lên 157/1000).



5 Xây dựng và triển khai các hoạt động Quan hệ với Cổ đông; Tổ chức Hội nghị nhà đầu tư ngày 26/11/2011.



6 Công tác nguyên liệu được tập trung cao với cách làm mới sáng tạo, quyết liệt, chương trình hợp tác với nông dân và địa phương tổ chức lại sản xuất nguyên liệu gắn với “xây dựng nông thôn mới” đã thành công bước đầu. Trong năm, thành lập hai công ty cấp huyện, một công ty cấp xã: Công ty cổ phần đầu tư phát triển Lam Sơn- Bá Thước; Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Lam Sơn- Như Xuân; Công ty cổ phần nông công nghiệp, dịch vụ thương mại Vân Sơn tại Xã Vân Sơn, Huyện Triệu Sơn. Thành lập và đưa vào hoạt động 3 Xi nghiệp công nông nghiệp tại các xã Xuân Phú, Nguyệt Ấn, Kiên Thọ. Hiệp hội Mía Đường Lam Sơn tiếp tục phát huy tốt vai trò làm cầu nối gắn kết giữa Công ty và Người trồng mía.



7 Thành công bước đầu trong chương trình tậu đất, thuê quyền sử dụng đất lâu dài, hợp tác với nông dân và địa phương xây dựng những cánh đồng mẫu lớn, tập trung, cơ giới hóa đồng ruộng, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, hướng đến một nền nông nghiệp hiện đại, trong niềm vui, phấn khởi, hờ hởi tự nguyện của Nông dân. Đây là mô hình đầu tiên của Tỉnh và là cách làm mới nhất trong cả Nước.



8 Là năm thứ 5 liên tục Lasuco được vinh danh trong top 500 doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam; Đảng bộ Công ty được vinh danh top 100 tổ chức Đảng tiêu biểu trong các doanh nghiệp toàn quốc.

9 Công tác tổ chức quản lý của Công ty mẹ và các công ty thành viên được củng cố và nâng cao, thông qua các hoạt động tổ chức đánh giá thực trạng và xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2011-2015 tầm nhìn 2020. Đồng thời bắt tay vào tổ chức thực hiện đồng bộ các giải pháp, bước đầu các đơn vị đã chủ động tổ chức sản xuất kinh doanh, từng bước xóa bỏ cơ chế bao cấp.



10 Đưa Quỹ khuyến học mía đường Lam Sơn vào hoạt động. Đã trao thưởng cho gần 7.000 học sinh với số tiền 1,28 tỷ đồng. Đồng thời tiếp tục làm tốt công tác nhân đạo, từ thiện, ngày vì người nghèo, tặng 100 nhà tình nghĩa cho người nghèo.





Hiện có 15.300 ha mía trong vùng, Lasuco là một trong những doanh nghiệp chủ động được nguồn nguyên liệu.

Công tác mở rộng vùng nguyên liệu đang được tiếp tục triển khai, hỗ trợ người nông dân gắn bó với cây mía, Lasuco ngày càng khẳng định được lợi thế về nguồn nguyên liệu ổn định so với các doanh nghiệp khác.

Mô hình mới mở đầu thành công chương trình thuê mua quyền sử dụng đất dài hạn, hợp tác cùng nông dân tổ chức sản xuất mía thâm canh công nghệ cao, bảo đảm nguồn nguyên liệu ổn định bền vững lâu dài cho công nghiệp chế biến.





“Phát huy thế mạnh, khắc phục điểm yếu, nắm bắt cơ hội vượt qua thách thức tiếp tục giữ vững vị thế hàng đầu trong ngành sản xuất mía đường của Việt Nam”

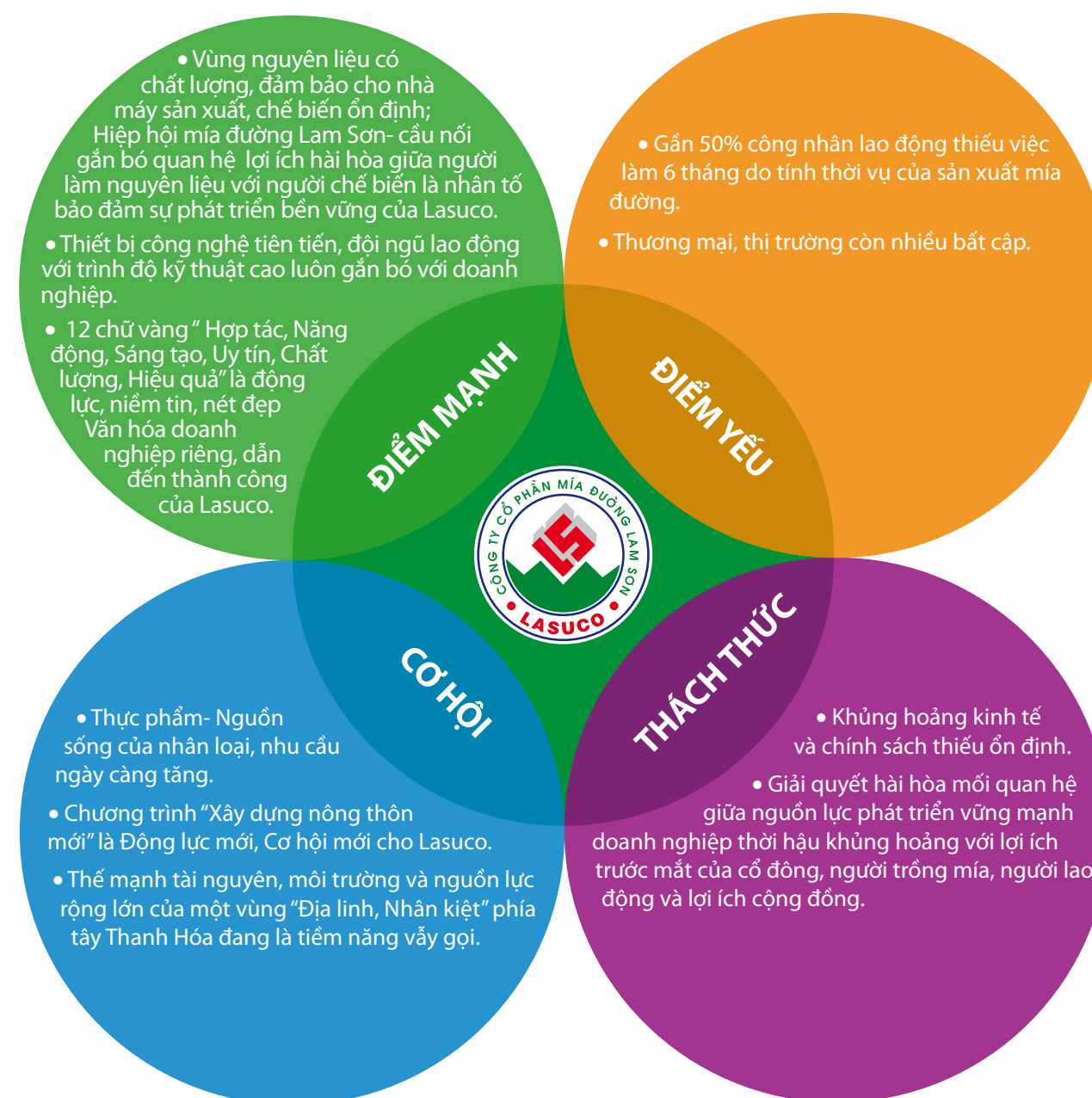
Vùng mía đường Lam Sơn nay đã lan toả đến 13 huyện phía Tây bắc Thanh Hóa và tập trung chủ yếu tại 9 huyện: Ngọc Lặc, Thọ Xuân, Thường Xuân, Triệu Sơn, Yên Định, Lang Chánh, Cẩm Thủy, Bá Thước, Như Xuân (trong đó có 4 huyện nghèo có tổng diện tích khoảng 30 ha là Bá Thước, Lang Chánh, Thường Xuân, Như Xuân) với tổng diện tích tự nhiên khoảng 4.000 km², chiếm 46,38% tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh, trong đó đất chưa sử dụng có khả năng sản xuất nông nghiệp 20,4 nghìn ha, chiếm 29,3% của toàn tỉnh. Dân số ước tính khoảng 1.360 nghìn người, chiếm 37% dân số toàn tỉnh, với 851 nghìn lao động trong độ tuổi, chiếm 62% dân số toàn vùng, vào khoảng 37% lao động toàn Tỉnh.

Như vậy bên cạnh các lợi thế phát triển chung của ngành mía đường Việt Nam, Lam Sơn có cơ sở phát triển trên phạm vi tỉnh với các lợi thế về nguồn nhân lực dồi dào, diện tích đất chưa sử dụng còn nhiều có thể dùng cho sản xuất mía, đưa Thanh Hóa thành vùng sản xuất nguyên liệu mía sử dụng cơ giới hóa và đầu tư kỹ thuật cao của Việt Nam.

Đặc biệt Hiệp hội mía đường Lam Sơn là mô hình độc nhất vô nhị cả nước, liên kết các thành phần kinh tế làm bả đỡ tác động và hỗ trợ nông dân, hơn 15 năm hoạt động đã trở thành điểm sáng về mẫu hình liên kết kinh tế gắn công nghiệp với nông nghiệp, liên minh công - nông - trí hiệu quả trong thời kỳ đổi mới, trở biểu tượng niềm tin, niềm tự hào của hàng vạn hộ nông dân vùng mía Lam Sơn

Ngoài ra, Lam Sơn được sự ủng hộ cao từ lãnh đạo tỉnh cho đến người dân. Nghị quyết Tỉnh Đảng bộ lần thứ XVII, Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã xây dựng chương trình phát triển kinh tế - xã hội Miền Tây Thanh Hoá đến năm 2015, Đề án phát triển một số sản phẩm công nghiệp chủ lực của Tỉnh, trong đó có **xây dựng thương hiệu đường Xứ Thanh**; Rà soát, quy hoạch các vùng nguyên liệu mía, sắn, cao su; Ban hành chính sách khuyến khích tích tụ ruộng đất, tạo điều kiện phát triển nông nghiệp hàng hoá quy mô lớn... Năm 2011, với sự hỗ trợ của Tỉnh ủy UBND tỉnh và chính quyền địa phương, Lasuco đã thành lập ra 03 công ty cấp huyện và cấp xã và 03 xí nghiệp tại các địa bàn khác nhau của tỉnh nhằm mục tiêu hợp tác toàn diện với người dân mở rộng diện tích trồng mía và áp dụng khoa học kỹ thuật công nghệ cao vào nông nghiệp. Hoạt động của công ty đã nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình và đồng thuận của người dân.

PHÂN TÍCH SWOT



CÁC DỰ ÁN ĐANG TRIỂN KHAI

Dự án Làm mới lại cây mía hạt đường Lam Sơn gắn với tưới nhỏ giọt

- Tình hình dự án: Dự án được triển khai từ vụ 2009/2010 đến ngày 31/12/2011 đã 3.822 ha diện tích cây sâu bón vôi (trong đó năm 2011: 2.578 ha) và 544 ha diện tích tưới nhỏ giọt. Tổng số tiền đã giải ngân đến 31/12/2011 là 110,47 tỷ đồng, đạt 36,82% tổng mức đầu tư trong cả giai đoạn 2011 - 2015, riêng năm 2011 giải ngân 55,895 tỷ đồng.
- Dự án thâm canh triển khai khá tốt và đem lại hiệu quả thiết thực được bà con trồng mía tích cực tham gia đặc biệt là chương trình cây sâu, bón vôi cải tạo đất và tưới nhỏ cho mía.



Dự án đầu tư công nghệ, thiết bị xử lý môi trường:

- Tình hình dự án: Hiện nay đã hoàn thành giai đoạn 1 của dự án với giá trị hoàn thành khoảng 11 tỷ đồng
- Dự án sau khi hoàn thành sẽ xử lý được Biogas không còn mùi khó chịu, có thể bón trực tiếp hoặc làm nguyên liệu tạo ra phân chất lượng cao. Độ ẩm bùn sau ly tâm: 60 – 70% w/w.



Dự án đầu tư mở rộng nâng công suất nhà máy đường số 2 từ 4.000^{TCĐ} lên 8.000^{TCĐ}

- Tình hình dự án: Dự án được triển khai từ tháng 11/2010. Đến ngày 31/12/2011 các hạng mục XD CB, gia cố khung nhà và chế tạo, lắp đặt thiết bị trong nước đã cơ bản hoàn thành. Phần thiết bị nhập khẩu cho khu vực công nghệ do một số nhà thầu nước ngoài cung cấp đã lắp đặt xong.
- Dự án đã hoàn thành và đưa vào hoạt động ngày 8/3/2012 đưa tổng công suất của công ty lên 10.500^{TCĐ}.

Dự án Đầu tư thành lập các công ty Cổ phần công – nông nghiệp tại các địa phương.

- Tình hình dự án: Năm 2011 đã cho ra đời 2 Công ty CP Đầu tư phát triển tại huyện Bá Thước và Như Xuân; 01 Công ty CP Công, nông nghiệp, dịch vụ, thương mại Văn Sơn – Triệu Sơn; 3 XN Nguyên liệu tại các xã Xuân Phú, Nguyệt Ấn, Kiên Thọ và đã ký Biên bản hợp tác với 3 huyện Thọ Xuân, Ngọc Lặc, Triệu Sơn trong chương trình xúc tiến đầu tư vào nông nghiệp nông thôn... .
- Dự án sau khi hoàn thành sẽ giúp công ty tích tụ được nguồn đất đai, ổn định vững chắc vùng nguyên liệu, phát huy thế mạnh của địa phương về công ty, tạo ra sản phẩm và công ăn việc làm cho người lao động.



ÔNG LÊ VĂN TAM

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông là thuyền trưởng dẫn dắt Công ty hơn 25 năm qua, là người tiên phong lãnh đạo và định hướng doanh nghiệp phát triển từ chỗ đứng bên bờ vực phá sản trở thành 1 doanh nghiệp hàng đầu trong ngành mía đường Việt Nam. Ông là sáng lập viên của Hiệp hội mía đường Việt Nam và Hiệp hội mía đường Lam Sơn, là người có nhiều đóng góp to lớn cho sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành mía đường Việt Nam.

Quá trình công tác:

Năm 1971 – Năm 1978: Công tác tại Phòng Kế hoạch - Ty nông nghiệp Thanh Hoá giữ các chức vụ từ phó phòng tới trưởng phòng

Năm 1978 – Năm 1988: Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp, kiêm trưởng ban quản lý xây dựng vùng mía Thanh Hoá

Tháng 11/1988 – Tháng 06/1992: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty mía đường I, Phó bí thư Đảng uỷ, Giám đốc Nhà máy đường Lam Sơn.

Từ Tháng 07/1992 – Tháng 12/1999: Phó Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty mía đường I, Chủ tịch Hiệp hội mía đường Lam Sơn, Phó bí thư, Bí thư Đảng uỷ, Giám đốc Công ty Đường Lam Sơn

Từ năm 2000 - 2007: Chủ tịch Hiệp hội mía đường Việt Nam

Từ năm 2000 – 04/2011: Chủ tịch Hiệp hội mía đường Lam Sơn, Phó bí thư Đảng uỷ, Tổng Giám đốc Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn.

Từ tháng 05/2011 đến nay: Chủ tịch Hiệp hội mía đường Lam Sơn, Chủ tịch HĐQT Công ty CP mía đường Lam Sơn nhiệm kỳ IV giai đoạn 2011-2015

Một số chỉ tiêu thực hiện so với kế hoạch ĐHCĐ đề ra cho Công ty mẹ

Đơn vị: Tỷ đồng

	Kế hoạch 2011	Thực hiện 2011	Chênh lệch	
			Giá trị	%
DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,566.1	1,578.2	12.1	100.8%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	450.0	500.8	50.8	111.3%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	112.5	88.1	-24.4	78.3%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	337.5	409.0	71.5	121.2%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	6,750.0	9,108.0	2,358.0	134.9%
Cổ tức	20-25%	Dự kiến 25%		



BÀ LÊ THỊ TIẾN
Phó Chủ tịch TT HĐQT

Với trên 20 năm công tác tại Công ty, bà là người có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính với nhiều đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

Quá trình công tác:

Từ 1989 – Tháng 8/2001: Kế toán viên, Phó phòng tài chính kế toán.
Từ tháng 08/2001 đến tháng 07/2006: Kế toán trưởng Công ty, kiêm trưởng phòng Tài chính Kế toán, thành viên Hội đồng quản trị khóa 2
Từ tháng 07/2006 – tháng 04/2011: Giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát Công ty.
Từ tháng 5/2011 đến nay: Phó Chủ tịch TT HĐQT Công ty nhiệm kỳ IV giai đoạn 2011 -2015, là Phó bí Thư Đảng uỷ Công ty CP mía đường Lam Sơn giai đoạn 2010-2015



ÔNG HÀ ĐỨC CHÍNH
ỦY VIÊN HĐQT

Với trên 20 năm công tác, làm việc tại Công ty phân bón Lam Sơn, ông là người có nhiều đóng góp cho sự phát triển sản xuất phân bón vì sinh hữu cơ góp phần tăng năng suất cây trồng của vùng mía đường Lam Sơn.

Quá trình công tác:

Năm 1992 -1997: Làm việc tại Trung tâm dịch vụ cây trồng Thọ Xuân, Thanh Hoá
Năm 1997 – 1999: Kế toán viên tại Trung tâm giống mía Lam Sơn.
Từ tháng 01/2000 - tháng 11/2009: Trưởng bộ phận tài chính kế toán, kế toán trưởng của Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn.
Từ tháng 11/2009- 04/2011: Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn.
Từ tháng 04/2011 đến nay: Giám đốc Công ty CP Phân bón Lam Sơn, thành viên HĐQT Lasuco;



ÔNG LÊ THANH TÙNG
Phó Chủ tịch HĐQT

Với trên 15 năm công tác tại Công ty, ông là người có nhiều kinh nghiệm, nhạy bén trong lĩnh vực kinh doanh thương mại, thị trường và có rất nhiều đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

Quá trình công tác:

Từ tháng 03/1979 đến tháng 05/1984: Tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam tại Trung đoàn 164 – Quân đoàn 2.
Từ tháng 10/1998 đến tháng 11/1997: Cán bộ công tác tại Cảng Thanh Hoá
Từ tháng 11/1997 đến tháng 11/2009: Cán bộ, Phó giám đốc, Trưởng phòng Vật tư – TTSP của Công ty CP mía đường Lam Sơn
Từ tháng 10/2009 đến nay: Phó Tổng Giám đốc, từ tháng 08/2010 là Bí thư Đảng uỷ Công ty giai đoạn 2010-2015, từ tháng 5/2011 là Phó Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ IV giai đoạn 2011 - 2015.



ÔNG TRỊNH NGỌC LONG
ỦY VIÊN HĐQT

Với trên 30 năm công tác, ông giữ cương vị lãnh đạo của Nông trường Sao Vàng nhiều năm và nay là Giám đốc Công ty TNHH Lam Sơn – Sao Vàng với nhiều đóng góp cho quá trình xây dựng và phát triển vùng nguyên liệu mía của Công ty.

Quá trình công tác:

Từ năm 1982 - 1987: Làm việc tại Nông trường Sao Vàng với cương vị Trưởng phòng kế hoạch, tổ chức.
Từ năm 1987 đến năm 2004: Phó Giám đốc, Giám đốc của Nông trường Sao Vàng.
Từ năm 2004 – 04/2011: Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty TNHH 2 thành viên Lam Sơn – Sao Vàng
Từ tháng 04/2011 đến nay: Thành viên HĐQT Lasuco,.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2011

Từ Đại hội (26/4/2011) đến nay, HĐQT đã họp 4 phiên định kỳ và các phiên bất thường để triển khai NQĐHĐCĐ, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng quý, đồng thời đưa ra các giải pháp thực hiện. Đã bầu các chức danh trong HĐQT, đồng thời phân công cụ thể nhiệm vụ cho các thành viên và đã bổ nhiệm các chức danh cán bộ quản lý cấp cao.

HĐQT đã: Ban hành Kế hoạch công tác toàn nhiệm kỳ; Hoàn chỉnh lại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, đăng ký lại với Nhà nước; Rà soát lại các quy chế, quy định; Lựa chọn Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán AASC kiểm toán báo cáo tài chính năm 2011 và Dự án Nâng công suất NM đường Số II; Tập trung cao độ cho Dự án Nâng công suất NM Đường Số II; Tập trung làm việc với lãnh đạo các địa phương và bà con nông dân về công tác phát triển nguyên liệu, với cách làm mới sáng tạo; Triển khai quyết liệt các chương trình trọng tâm và giải pháp thực hiện nhiệm vụ giai đoạn 2011-2015.

Tổ chức thành công Hội nghị Nhà đầu tư lần thứ nhất; Tổ chức đánh giá các công ty thành viên, chỉ đạo công tác xây dựng kế hoạch 2012, chiến lược phát triển giai đoạn 2011-2015; Tổ chức đánh giá chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, phòng ban và định hướng các đơn vị xây dựng kế hoạch SXKD, kế hoạch tổ chức nhân sự giai đoạn tới; Chỉ đạo sát sao công tác quản trị tài chính và tranh thủ các nguồn vốn đầu tư cho các dự án; Quan tâm chỉ đạo và giám sát hoạt

động của Ban điều hành theo Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty; Đặc biệt quan tâm tạo điều kiện cả về nhân lực, vật lực để các tổ chức chính trị xã hội hoạt động...

HĐQT đã thường xuyên chỉ đạo, giám sát, phát hiện và tháo gỡ kịp thời những khó khăn trở ngại cùng Ban điều hành thực hiện thắng lợi Nghị quyết ĐHĐCĐ 2011. Trong quá trình hoạt động, đã phối hợp tốt giữa HĐQT, Ban điều hành, Ban Kiểm soát, các tổ chức chính trị xã hội vừa đảm bảo mục tiêu sản xuất kinh doanh vừa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động theo văn hoá LASUCO **“Hợp tác - Năng động - Sáng tạo - Uy tín - Chất lượng - Hiệu quả”.**

Thay đổi thành viên HĐQT trong Năm 2011

Họ và tên	Chức vụ	Thời điểm thay đổi 26/4/2011
Ông Bùi Xuân Sinh	Phó Chủ tịch HĐQT	Hết nhiệm kỳ
Ông Phan Văn Ngọc	Ủy viên HĐQT	Hết nhiệm kỳ
Ông Lê Văn Tiến	Ủy viên HĐQT	Hết nhiệm kỳ
Ông Nguyễn Bá Chú	Ủy viên HĐQT	Hết nhiệm kỳ
Ông Lê Thanh Tùng	Phó Chủ tịch HĐQT	Bầu mới
Bà Lê Thị Tiến	Phó Chủ tịch TT HĐQT	Bầu mới
Ông Hà Đức Chính	Ủy viên HĐQT	Bầu mới
Ông Trịnh Ngọc Long	Ủy viên HĐQT	Bầu mới

Các phiên họp HĐQT Năm 2011		
Thời gian	TV tham dự	Nội dung thảo luận
10/7/2011	5/5	Đánh giá tình hình và kết quả hoạt động SXKD quý II/2011; Kế hoạch quý III năm 2011 - nhiệm vụ và các giải pháp.
		Các nội dung khác
24/10/2011	5/5	Đánh giá tình hình và kết quả hoạt động SXKD quý III/2011; Kế hoạch quý IV năm 2011 - nhiệm vụ và các giải pháp.
17/1/2012	5/5	Báo cáo tổng kết thực hiện kế hoạch 2011
		Báo cáo của Thường trực HĐQT đánh giá tình hình hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2011, phương hướng nhiệm vụ năm 2012.
		Báo cáo công tác kiểm soát tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2011, phương hướng, nhiệm vụ quý I/2012.
		Các nội dung khác

Thù lao và tiền thưởng cho Hội đồng Quản trị

Đơn vị: triệu đồng	
Thù lao	612
Tiền thưởng	1.780
Tổng cộng	2.392

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



ÔNG LÊ VĂN QUANG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Với trên 10 năm công tác tại Công ty, ông là người có nhiều kinh nghiệm và đóng góp cho công tác tài chính- kiểm soát, từng là thành viên chuyên trách của Ban kiểm soát nhiệm kỳ III, và tiếp tục được tin nhiệm là Trưởng ban kiểm soát của Công ty nhiệm kỳ IV.

Quá trình công tác:

Từ năm 2001 đến tháng 07/2006: Là Kế toán viên của Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn.
Từ tháng 07/2006 đến 4/2011: Ông là Kiểm soát viên chuyên trách của Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn.
Từ tháng 12.2009 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần phân bón Lam Sơn
Từ tháng 5/2011 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần mía đường Lam sơn



BÀ LÊ THỊ TÌNH

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Với trên 20 năm công tác tại Công ty, bà là người có nhiều kinh nghiệm trong công tác kế toán sản xuất, có nhiều đóng góp cho công tác kế toán tài chính của Công ty.

Quá trình công tác:

Từ tháng 02/1992 đến 10/1996: Làm công tác thống kê, kế toán của Đoàn vận tải Công ty.
Từ tháng 10/1996 đến 08/2006: Trưởng bộ phận kế toán của Nhà máy Cồn số I- Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn.
Từ tháng 08/2006 đến 11/2007: Trưởng bộ phận kế toán của Nhà máy Đường số II- Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn.
Từ tháng 11/2007 đến 4/2011: Chuyên viên tài chính thuộc phòng Tài chính kế toán Công ty.
Từ tháng 5/2011 đến nay: Kiểm soát viên chuyên trách Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn.



ÔNG ĐỖ VĂN MẠNH

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Với trên 30 năm công tác tại Công ty, ông là người có nhiều kinh nghiệm và đóng góp cho công tác tài chính, kiểm soát; là thành viên chuyên trách của Ban kiểm soát Công ty từ ngày công ty cổ phần hóa đến nay.

Quá trình công tác:

Từ năm 1982 đến 1989: Nhà cán bộ Phòng vật tư Nhà máy đường Lam Sơn
Từ 1990 đến 12/1999: Kế toán viên Công ty Đường Lam Sơn.
Từ tháng 1/2000 đến nay: Kiểm soát viên chuyên trách của Công ty.
Từ tháng 12.2009 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần cơ giới nông nghiệp Lam sơn

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Đại hội đồng cổ đông năm 2011 đã bầu Ban kiểm soát nhiệm kỳ IV giai đoạn 2011 -2012 với 3 thành viên.

Trong năm 2011, Ban kiểm soát đã thực hiện các hoạt động kiểm tra giám sát các hoạt động của đơn vị theo quy định. Cụ thể:

Kiểm tra, xác nhận Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty, đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban điều hành trong việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ 2010. Tham gia chuẩn bị tổ chức và giám sát cuộc họp ĐHĐCĐ năm 2011.

Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty tháng quý, năm; Giám sát HĐQT trong việc thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2011, giám sát ban điều hành trong việc thực hiện các NQ HĐQT và các hoạt động SXKD của công ty.

Tham gia ý kiến đóng góp vào các chủ trương, định hướng và các dự án đầu tư của Công ty theo yêu cầu của HĐQT và Ban điều hành.

Thẩm định báo tài chính bán niên và năm 2011 bao gồm: Kiểm tra đánh giá độ tincậy của số liệu, kiến nghị và đề xuất đối với công tác kế toán và quản trị tài chính. Đánh giá và xem xét ảnh hưởng của các sai sót trong công tác kế toán và giám sát việc thực thi các kiến nghị do kiểm toán và BKS đưa ra.

Ngoài ra, việc giám sát kiểm kê và quyết toán kiểm tra, kiểm soát chất lượng năm 2011; đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của phòng tổ chức hành chính, Phòng KHKT, phòng kinh doanh .v.v. đã giúp cho các đơn vị khắc phục được những tồn tại và đáp ứng được đầy đủ chức năng nhiệm vụ được giao.

Thay đổi thành viên Ban kiểm soát trong Năm 2011		
Họ và tên	Chức vụ	Thời điểm thay đổi 26/4/2011
Ông Lê Văn Quang	Trưởng BKS	Bầu mới (là TV Ban kiểm soát của nhiệm kỳ trước)
Bà Lê Thị Tiến	Trưởng BKS	Hết nhiệm kỳ (được bầu làm TV HĐQT nhiệm kỳ 2011 – 2015)
Ông Phùng Thanh Hải	Thành viên BKS	Hết nhiệm kỳ
Lê Thị Tình	Thành viên BKS	Bầu mới

Thù lao và tiền thưởng cho Ban kiểm soát

	Đơn vị: triệu đồng
Thù lao	240
Tiền thưởng	140
Tổng cộng	380



CHIẾN LƯỢC 2011 - 2015

Là đơn vị đi đầu trong ngành mía đường của Việt Nam, Lasuco chủ trương tiếp tục phát huy truyền thống đơn vị **Anh hùng Lao động** thời kỳ đổi mới và những thành quả đã đạt được trong hơn 30 năm xây dựng và phát triển của Công ty.

Trong chiến lược 2011 – 2015 và định hướng đến năm 2020 của Lasuco đã xác định rõ ‘Xây dựng Lasuco thành Tập đoàn kinh tế nông – công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch và bất động sản hàng đầu Việt Nam, trong đó trụ cột là Mía - Đường – Điện – Cồn nhiên liệu sinh học & Du lịch. Tiến tới xây dựng thương hiệu Lasuco trở thành thương hiệu toàn cầu’

Một số chỉ tiêu dự kiến đạt được tới	Năm 2015
Đơn vị: Tỷ đồng	2015E
Tổng doanh thu	8.000
Công ty mẹ	7.000
Công ty thành viên	1.000
Lợi nhuận trước thuế	1.100
Công ty mẹ	1.000
Công ty thành viên	100
Nộp ngân sách	600
Công ty mẹ	500
Công ty thành viên	100
Cổ tức trên vốn góp	17% - 25%
Thu nhập bình quân NV (triệu đồng)	12 - 15
Vốn đầu tư XDCB (2011 - 2015)	3.500
Vốn điều lệ	1.000
Sản phẩm	
Mía nguyên liệu (triệu tấn)	> 2
Đường (tấn)	200.000 - 220.000
Cồn (triệu lít)	20
Phân bón sinh học (tấn)	100.000
Nhiên liệu sinh học (tấn)	100.000
Giấy (tấn)	100.000
Đào tạo nghề (người)	5.000- 7.000

Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu:

Để đạt được các chỉ tiêu trên cũng như mục đích xây dựng thương hiệu mạnh mang tầm quốc tế, Ban lãnh đạo Lasuco đã đưa ra một số giải pháp đồng bộ và yêu cầu thực hiện nghiêm túc có bài bản.

- Giải pháp về nguyên liệu: Phát triển vùng nguyên liệu có tốc độ tăng trưởng bền vững, năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh tốt với khu vực và thế giới, đáp ứng đủ nguyên liệu cho các nhà máy sản xuất đường, cồn, điện, nhiên liệu sinh học, giấy;
- Giải pháp về công nghệ chế biến: Lasuco chủ động đầu tư đổi mới công nghệ từ đó nâng cao công suất và hiệu quả, đồng thời đảm bảo “Sản xuất sạch hơn và sạch hơn nữa”;
- Giải pháp về nguồn nhân lực: Xây dựng đội ngũ cán bộ, công nhân viên chuyên nghiệp, nhiệt huyết, đầy năng lực cùng chí hướng phát triển sự nghiệp lâu dài gắn bó với Lasuco;
- Giải pháp xây dựng và phát triển thị trường nội địa và xuất khẩu: Phát triển hệ thống phân phối, trong đó chú trọng thị trường nông thôn;
- Giải pháp về nguồn vốn: Tìm kiếm các nguồn vốn phù hợp và sử dụng tối ưu;
- Giải pháp về Quan hệ nhà đầu tư: Tăng cường hoạt động quan hệ với Cổ đông và nhà đầu tư, gắn kết kỳ vọng của Nhà đầu tư với Lasuco.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



ÔNG LÊ VĂN THANH
TỔNG GIÁM ĐỐC

Với trên 30 năm công tác Công ty, là người gắn bó từ những ngày đầu xây dựng, ông có nhiều kinh nghiệm quản lý. Từ năm 2006 đến nay ông được bổ nhiệm là Tổng Giám đốc Công ty.

Quá trình công tác:
Từ 8/1982 – 11/1983: Công tác tại Công ty Giống cây trồng Thanh Hoá
Từ 12/1983 – 8/1994: Trưởng phòng nông vụ Nhà máy đường Lam Sơn
Từ 9/1994 – 7/2006: Phó giám đốc Công ty đường Lam Sơn, Phó tổng giám đốc Công ty CP mía đường Lam Sơn, Chủ tịch Hiệp hội mía đường Lam Sơn
Từ 8/2006 – nay: Tổng giám đốc Công ty CP mía đường Lam Sơn.



ÔNG LÊ THANH TÙNG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Với trên 30 năm công tác 15 làm việc tại Công ty, ông được tín nhiệm và giữ nhiều chức vụ quan trọng và có rất nhiều đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

Quá trình công tác:
Từ tháng 03/1979 đến tháng 05/1984: Tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam tại Trung đoàn 164 – Quân đoàn 2.
Từ tháng 10/1998 đến tháng 11/1997: Là cán bộ công tác tại Cảng Thanh Hoá
Từ tháng 11/1997 đến tháng 11/2009: Là cán bộ, Phó giám đốc, Trưởng phòng Vật tư – TTSP của Công ty CP mía đường Lam Sơn
Từ tháng 10/2009 đến nay là Phó Tổng Giám đốc, Từ tháng 08/2010 là Bí thư Đảng uỷ Công ty giai đoạn 2010-2015



ÔNG LÊ KHẮC CHUNG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Với trên 32 năm công tác, ông có rất nhiều đóng góp cho vùng mía, từ năm 2010 đến nay được bổ nhiệm là Phó Tổng Giám đốc phụ trách Trường Cao đẳng nghề Lam Kinh.

Quá trình công tác:
Từ 10/1974 – 2/1975: Cán bộ Ban phân vùng quy hoạch nông nghiệp Thanh Hoá.
Từ 3/1975 – 8/1987: Bộ đội – Cục hậu cần, Cục kinh tế Quân khu 5
Từ 9/1987 – 2/1990: Cán bộ Ban quản lý xây dựng vùng mía Thanh Hoá
Từ 3/1990 – 7/2006: Phó trưởng phòng nông vụ, Bí thư Đảng uỷ, Uỷ viên Hội đồng quản trị, kiêm Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn
Từ 8/2006 – nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP mía đường Lam Sơn.



BÀ LÊ THỊ HUỆ
KẾ TOÁN TRƯỞNG CÔNG TY

Với gần 20 năm công tác tại Công ty, Bà là người có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý tài chính, kế toán và có nhiều đóng góp cho công tác kế toán tài chính của Công ty.

Quá trình công tác:
Từ 10/1993 - 9/2003: Nhân viên phòng TCKT Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn
Từ 10/2003 - 7/2006: Phó phòng TCKT Công ty CP mía đường Lam Sơn
Từ 8/2006 - nay: Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng TCKT công ty



ÔNG TRẦN QUỐC VINH
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Với trên 20 năm công tác tại Công ty, ông có nhiều kinh nghiệm và đóng góp cho công tác quản lý kỹ thuật sản xuất của Công ty.

Quá trình công tác:
Từ 1992 đến 1995: Kỹ thuật phân xưởng sản xuất chính
Từ 1996 đến 1997: Phó Quản đốc, Xí nghiệp bánh kẹo đình hương Thanh Hoá
Từ 1998 đến 1999: Kỹ thuật ban dự án Nhà máy đường số II
Từ 2000 đến 2010: Giám đốc Nhà máy đường số 2, Công ty CP mía đường Lam Sơn
Từ 2010 – đến nay: Phó Tổng giám đốc phụ trách sản xuất, Công ty CP mía đường Lam Sơn.



ÔNG ĐẶNG THẾ GIANG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Với trên 25 năm công tác tại Công ty, ông có nhiều kinh nghiệm trong công tác xây dựng, quản lý và phát triển vùng nguyên liệu của Công ty.

Quá trình công tác:
Từ 1987 – 1994: Ban quản lý và xây dựng vùng mía Lam Sơn, Thanh Hoá
Từ 1995 – 2001: Phòng nông vụ, Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn, Thanh Hoá
Từ 10/2009 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP mía đường Lam Sơn.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc được thu gọn bộ máy từ 06 người còn 05 người. Theo đó, Phó Tổng Giám đốc là Ông Lê Văn Vinh hết nhiệm kỳ từ 29/4/2011, các thành viên còn lại được tái bổ nhiệm.

Năm 2011, Ban Tổng Giám đốc Lasuco đã triển khai thực hiện nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ với tinh thần và quyết tâm cao của toàn bộ Ban điều hành. Các cuộc họp nội bộ định kỳ và bất thường được tổ chức thường xuyên nhằm cập nhật tình hình và đưa ra các biện pháp ứng phó kịp thời.

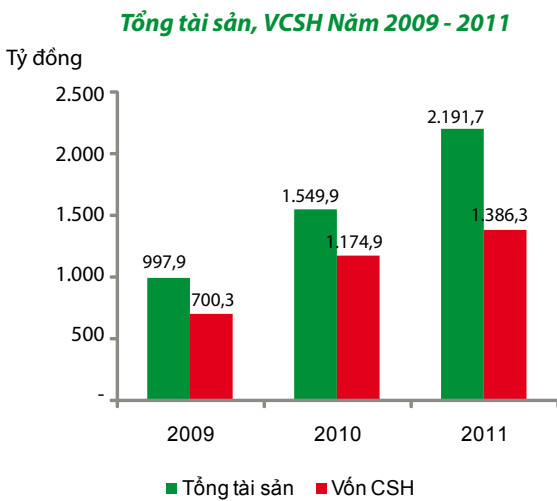
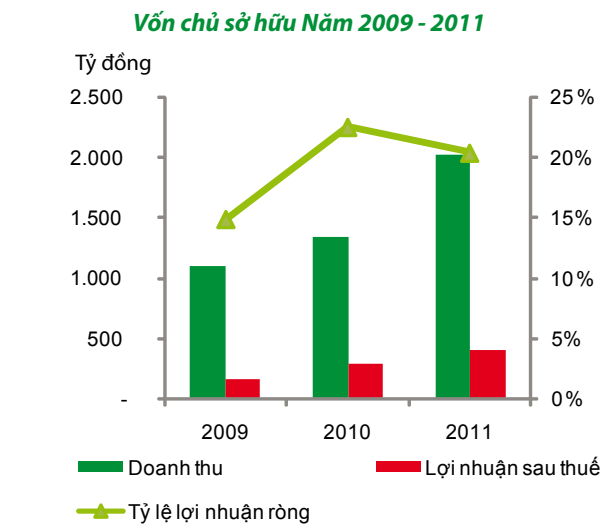
Một số hoạt động được thực hiện trong năm như:

- Chỉ đạo và điều hành việc thực hiện kết quả kinh doanh đã được thông qua;
- Tập trung nguồn lực hoàn thiện dự án nâng cấp mở rộng Nhà máy Đường 2 tầng năng suất và hiệu quả hoạt động;
- Công tác nguyên liệu được triển khai tích cực;
- Công tác tài chính được quan tâm chú trọng;
- Tổ chức, xây dựng nguồn lực và lựa chọn nhân tài được triển khai từng bước .v.v.

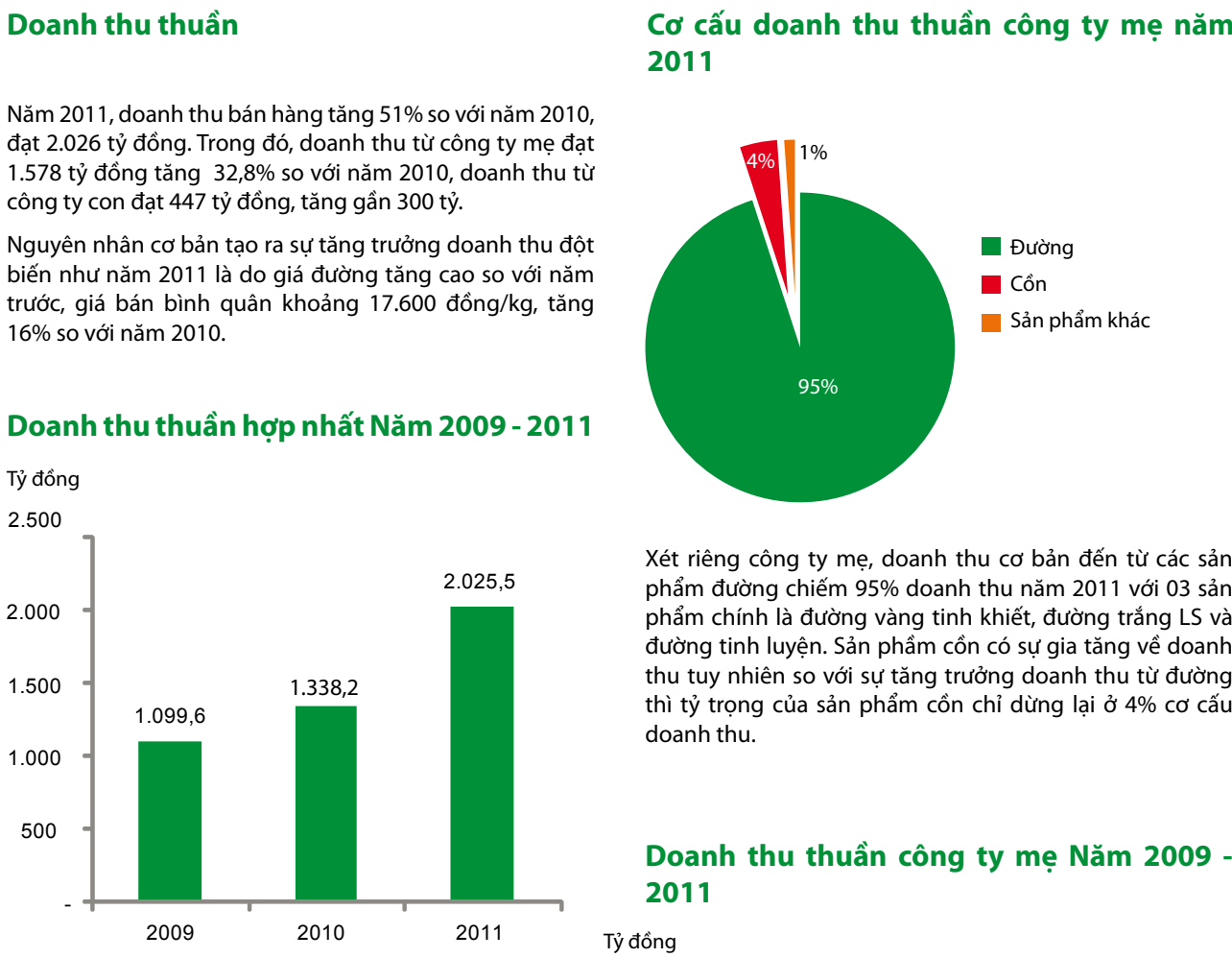
Thù lao và tiền thưởng cho Ban Tổng giám đốc	
Đơn vị: triệu đồng	
Thù lao	na
Tiền thưởng	1.450
Tổng cộng	1.450

Năm 2011, Lasuco đã nỗ lực thực hiện những bước đột phá về công nghệ và kỹ thuật làm bước đệm cho sự phát triển của những năm tiếp theo. Thay mặt Ban Tổng giám đốc, Tôi xin được gửi tới Quý cổ đông kết quả hoạt động kinh doanh của Lasuco năm 2011

Một số chỉ số tài chính	2009	2010	2011
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	1.099,6	1.338,2	2.025,5
Lợi nhuận gộp (tỷ đồng)	227,4	478,0	607,8
Tỷ suất lợi nhuận gộp	21%	36%	30%
Lợi nhuận hoạt động (tỷ đồng)	212,0	394,5	461,3
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	19%	29%	23%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	163,3	301,4	412,7
Thanh khoản			
Thanh toán nhanh	60%	158%	25%
Thanh toán hiện thời	220%	405%	243%
Hiệu quả vốn lưu động			
Vòng quay phải thu (ngày)	51,5	111,2	126,5
Vòng quay HTK (ngày)	52,1	63,3	51,4
Vòng quay phải trả (ngày)	25,4	32,9	12,8
Cơ cấu vốn			
Vốn vay/Vốn CSH	15%	6%	33%
Vốn vay/Tổng tài sản	21%	35%	35%
Hiệu quả sử dụng vốn			
ROE	23%	25%	30%
ROA	16%	19%	19%
ROCE	25%	28%	27%
Tăng trưởng			
Tổng tài sản	15%	55%	41%
Tổng doanh thu	-3%	22%	51%



Doanh thu thuần hợp nhất tăng 51% so với năm 2010, đạt 2,026 tỷ đồng. Doanh thu từ công ty mẹ đạt gần 1,600 tỷ đồng, trong đó sản phẩm đường chiếm đến 95% cơ cấu doanh thu

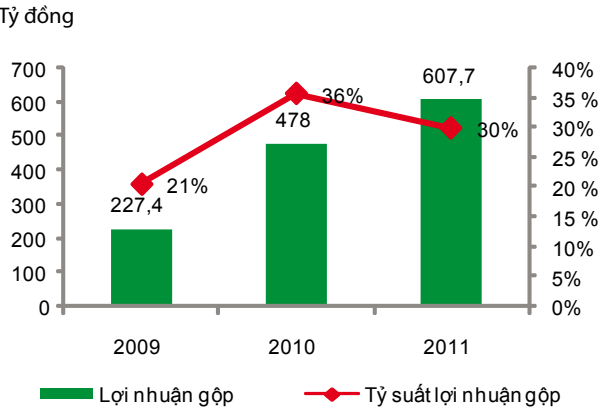


Chính sách tiết kiệm và cắt giảm chi phí được quán triệt thực hiện từ 2008. Kết quả cho thấy, hầu hết các chi phí tăng với tốc độ thấp hơn nhiều so với các năm trước

Lợi nhuận gộp

Lợi nhuận gộp hơn 600 tỷ đồng năm 2011, năm 2010 là 478 tỷ. Lợi nhuận gộp tăng, tuy nhiên tỷ suất lợi nhuận gộp năm 2011 lại giảm từ 36% xuống còn 30%.

Lợi nhuận gộp – tỷ suất lợi nhuận gộp Năm 2009 - 2011

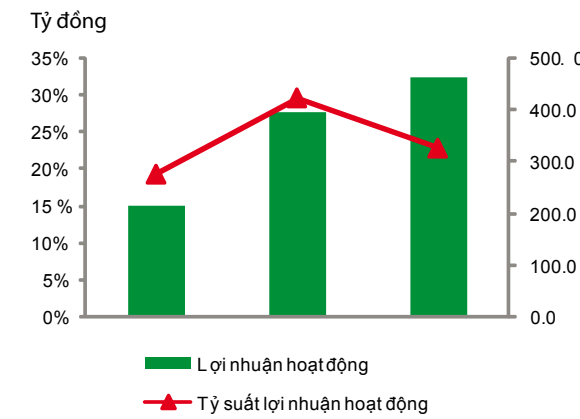


Lợi nhuận hoạt động

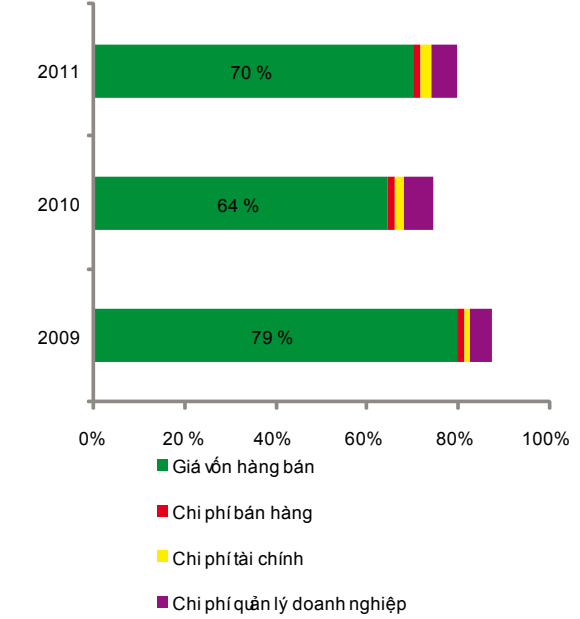
Lợi nhuận hoạt động đạt 461,3 tỷ đồng, tăng 66,4 tỷ đồng (17%) so với con số 394,5 tỷ đồng của năm 2010. Tuy nhiên, tỷ suất lợi nhuận hoạt động lại giảm từ 29% xuống còn 23% năm 2011. Nguyên nhân chủ yếu do hầu hết các chi phí đều tăng trong năm.

- Chi phí tài chính tăng 72% so với năm 2010, đặc biệt là chi phí tiền lãi vay tăng đến 186% (từ 10 tỷ đồng lên gần 29 tỷ đồng)
- Chi phí bán hàng tăng 33%. Lasuco đang nghiên cứu triển khai nhiều kênh bán hàng khác nhau, đặc biệt là hệ thống bán lẻ; đây là lý do cơ bản khiến cho chi phí bán hàng tăng lên trong năm
- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng từ 86,6 tỷ đồng lên 113 tỷ đồng năm 2011, tương đương với 31%; với các khoản tăng chủ yếu đến từ chi phí cho nhân công, chi phí dự phòng và 1 phần do Lasuco đầu tư cho quỹ phát triển khoa học công nghệ.

Lợi nhuận hoạt động – tỷ suất lợi nhuận hoạt động Năm 2009 - 2011



Cơ cấu chi phí so với doanh thu năm 2009 - 2011



Lợi nhuận sau thuế đạt 413 tỷ đồng. Nộp ngân sách đạt hơn 200 tỷ đồng. EPS là 9.156 đồng giảm so với năm 2010 (EPS 2010: 9.647 đồng)

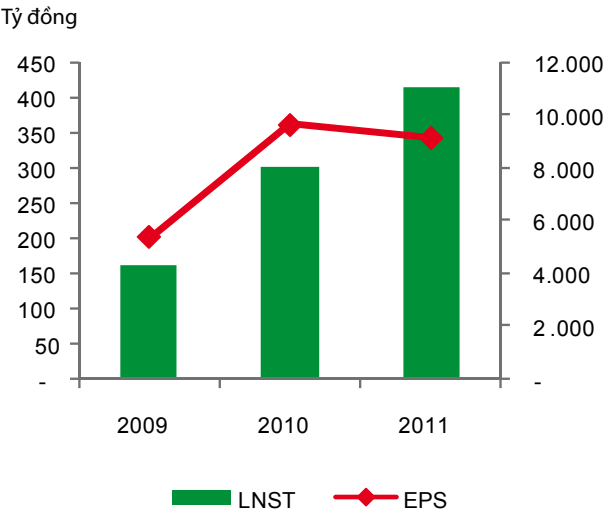
Lợi nhuận sau thuế

Lợi nhuận sau thuế là 413 tỷ đồng, tăng 111 tỷ (tương đương 37%) so với năm 2010. Lợi nhuận sau thuế tăng góp phần làm gia tăng lợi ích của cổ đông mẹ với cùng tỷ lệ là 37%. Nộp ngân sách hơn 200 tỷ đồng là công ty nằm trong Top 1000 doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất của Việt Nam liên tục trong nhiều năm.

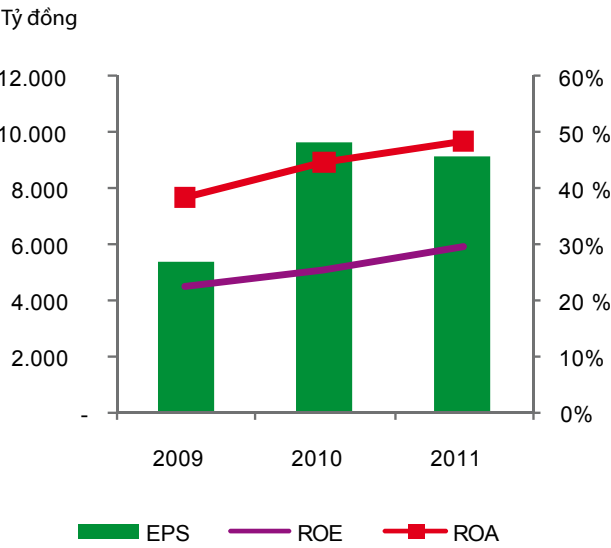
EPS

EPS năm 2011 đạt 9.156 đồng (năm 2010 là 9.647 đồng) do trong năm 2011 Lasuco đã thực hiện tăng vốn từ 400 tỷ đồng lên 500 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế & EPS Năm 2009 - 2011



Biến động EPS, ROA và ROE năm 2009 - 2011



Vốn chủ sở hữu chiếm 63% cơ cấu nguồn vốn của Lasuco. Năm 2011, tổng tài sản đạt 2.192 tỷ đồng, tăng 41% so với năm 2010.

Cơ cấu nguồn vốn

Nguồn vốn hoạt động của Lasuco có 63% đến từ nguồn vốn chủ sở hữu, vay ngân hàng khoảng 21%, còn lại 16% là các khoản phải trả và nợ khác.

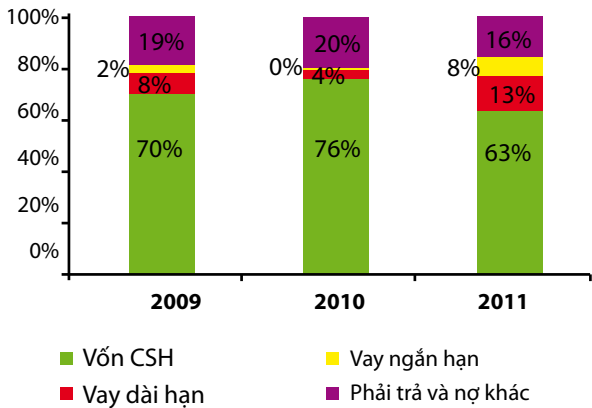
So với các doanh nghiệp khác, tỷ lệ nợ vay của Lasuco là tương đối thấp. Điều này cho thấy Công ty có khả năng độc lập về tài chính, đảm bảo cho công ty luôn hoạt động với tính thanh khoản cao.

Nợ vay

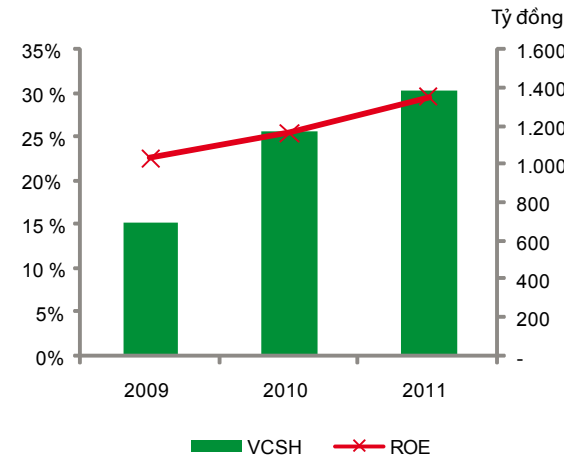
Tổng nợ vay ngân hàng tính đến 31/12/2011 khoảng 455 tỷ đồng. Trong đó, vay ngắn hạn là 290 tỷ đồng, vay dài hạn khoảng 165 tỷ đồng.

Sở dĩ, nợ vay tăng cao đột biến so với các năm trước đây do Lasuco đang thực hiện một số dự án đầu tư lớn tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật. Nợ vay tăng cùng với mức lãi suất chi trả cao hơn so với trung bình các năm trước là nguyên nhân dẫn đến chi phí lãi vay trong năm tăng.

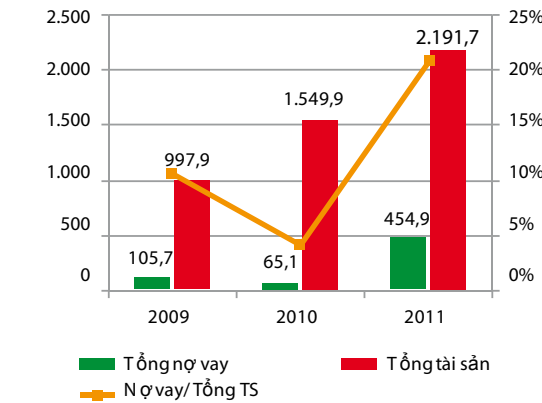
Cơ cấu nguồn vốn năm 2009 - 2011



VCSH và EPS Năm 2009 - 2011



Nợ vay và Tài sản Năm 2009 - 2011



Trích dự phòng đầu tư tài chính đạt 43 tỷ đồng. Công ty tập trung đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, chi phí xây dựng cơ bản tính đến 31/12/2011 đạt gần 627 tỷ đồng

Đầu tư tài chính

Năm 2011, Lasuco đã cắt giảm các khoản mục đầu tư tài chính. Đầu tư ngắn hạn còn 38 tỷ đồng so với 104 tỷ đồng năm 2010. Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết giảm 25 tỷ đồng còn khoảng 15 tỷ vào thời điểm 31/12/2011. Giữ nguyên khoản đầu tư dài hạn khác. Đồng thời, công ty đã trích dự phòng cho các khoản đầu tư này khoảng 43 tỷ đồng. Thực tế các khoản đầu tư của Lasuco đều được đánh giá là tương đối khả quan và mang tính đầu tư dài hạn, tuy nhiên do tình hình kinh tế suy giảm, thị trường chứng khoán ảm đạm nên hiệu quả từ các khoản đầu tư này chưa mang lại hiệu quả nhiều cho công ty.

Chi phí xây dựng cơ bản

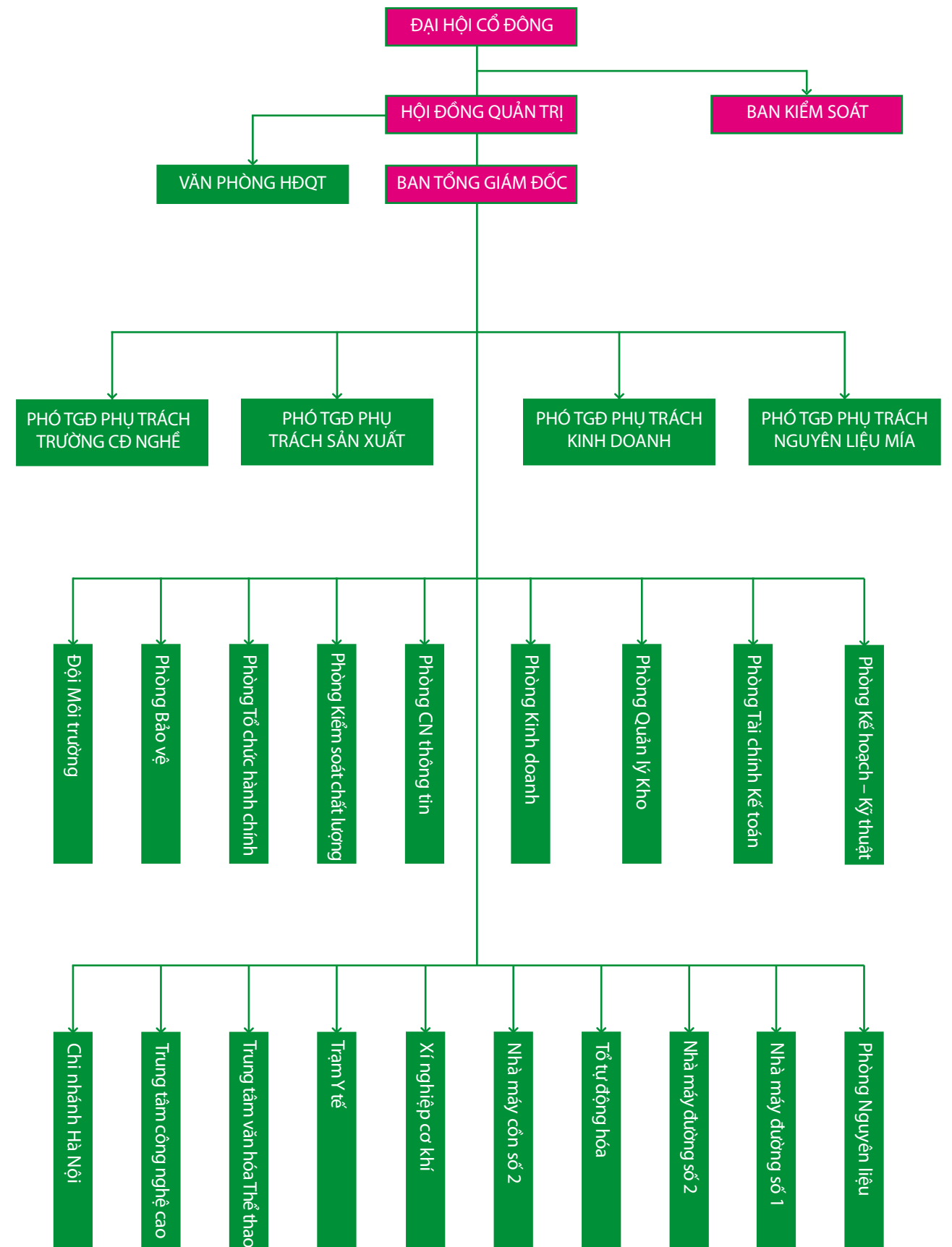
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 626 tỷ đồng, tăng 605 tỷ đồng so với năm 2010. Lasuco đang thực hiện một số dự án đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng cho hoạt động kinh doanh của mình, đặc biệt phải kể tới đó là dự án mở rộng Nhà máy Đường số 2.

Table with 3 columns: Đầu tư tài chính (Đơn vị: Tỷ đồng), 2010, 2011. Rows include: Đầu tư TC ngắn hạn, Đầu tư TC dài hạn, Tổng đầu tư TC, Tổng Tài sản, and Đầu tư TC/ Tổng Tài sản.

Table with 2 columns: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại 31/12/2011 (Đơn vị: Tỷ đồng), and Amount. Rows include: Mở rộng nhà máy đường 2, Khách sạn Lam Sơn, Dự án nghiên cứu khoa học Rotocult, Dự án khu DL sinh thái Linh Sơn, Dự án sử dụng bã mía làm NL phát điện, Dự án nhà máy gạch Tuynel, Dự án đầu tư nâng cấp trụ sở UBND thị trấn Cành Nàng, Các dự án khác, and Tổng cộng.



“Đầu tư thu hút nguồn nhân lực gắn bó với doanh nghiệp đồng thời tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và có môi trường làm việc tốt nhất.”



Nguồn nhân lực của Công ty tăng cả về số lượng và chất lượng với 951 cán bộ nhân viên, trong đó hơn 30% có trình độ cao đẳng, đại học và trên đại học. So với các doanh nghiệp khác trong ngành Lasuco có lợi thế về nguồn lao động trưởng thành, có kinh nghiệm với gần 60% cán bộ nhân viên trong độ tuổi từ 30 đến 45 – Thời kỳ nhân sự vàng

951
CÁN BỘ NHÂN VIÊN

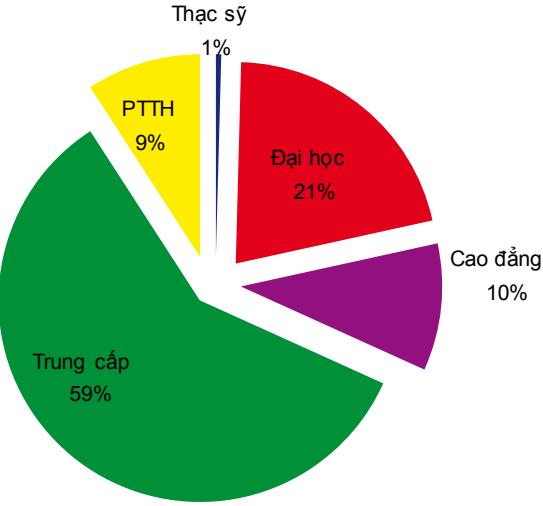
TUYỂN MỚI, 60 NGƯỜI TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NĂM 2011

THU NHẬP TRUNG BÌNH > 8,5 TRIỆU/ THÁNG

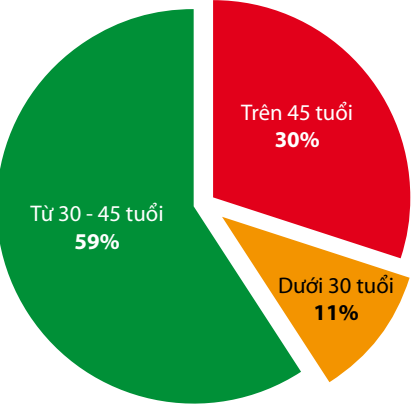
MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC CHUYÊN NGHIỆP – HIỆU QUẢ, GẮN BÓ LỢI ÍCH CỦA TỪNG THÀNH VIÊN VỚI LỢI ÍCH CỦA LASUCO.

Thu hút nguồn nhân lực tốt có tâm huyết và gắn bó với doanh nghiệp được Lasuco rất chú trọng bên cạnh hoạt động đào tạo. Trong năm 2011, Lasuco đã tuyển mới hơn 60 nhân sự có trình độ đại học, thực hiện chương trình hợp tác với trường Đại học Kinh tế Quốc dân nhằm đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ của cán bộ quản lý và lớp cán bộ kế cận. Đào tạo hệ cao đẳng nghề kinh doanh nông nghiệp cho 239 sinh viên là con em vùng mía Lam Sơn và hoàn thành 28 lớp nghề trồng mía cho 980 nông dân tại các xã có diện tích mía lớn.

Cơ cấu nguồn lao động phân theo trình độ năm 2011



Cơ cấu nguồn lao động phân theo độ tuổi năm 2011



THÔNG TIN VỀ CỔ PHIẾU VÀ HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ CỔ ĐỒNG

“Cổ phiếu Lasuco (mã CK: LSS) được chính thức niêm yết trên sàn Giao dịch Hồ chí minh từ ngày 9/1/2008. LSS luôn được đánh giá là cổ phiếu tốt trong ngành mía đường Việt Nam.”

Diễn biến giá cổ phiếu LSS trong năm 2011

Thị trường chứng khoán Việt Nam biến động mạnh trong năm 2011, thể hiện chỉ số Vnindex giảm từ 486 điểm còn 351,6 điểm vào thời điểm cuối năm 2011; Số lượng các cổ phiếu giao dịch dưới mệnh giá tăng cao so với các năm trước. Cổ phiếu LSS có mức giảm tương đối thấp khoảng 20% trong năm 2011, từ mức giá 23.800 đồng xuống còn 19.000 đồng; Được đánh giá là cổ phiếu có tính thanh khoản trung bình

Cổ tức và chi trả cổ tức

Lasuco đã tiến hành chi trả cổ tức năm 2010 cho cổ đông với mức cổ tức 35% bằng tiền mặt trong năm 2011. Hiện nay, Công ty đang chuẩn bị chi trả cổ tức đợt 1 năm 2011 15% bằng tiền mặt trong tháng 4/2012.

Biểu đồ diễn biến giá cổ phiếu LSS so với Vnindex năm 2011



Cơ cấu sở hữu

Tính đến thời điểm 01/03/2012, với 50 triệu cổ phiếu niêm yết, Lasuco có gần 1.700 cổ đông. Cổ đông nước ngoài nắm giữ khoảng 7,4 triệu cổ phiếu (tương đương 14,8%), còn lại 85% sở hữu thuộc về cổ đông trong nước. 28 tổ chức nước ngoài nắm giữ hơn 7 triệu cổ phiếu. Cổ đông trong nước, có 9,1% thuộc sở hữu Nhà nước, còn lại 76,1% là các đơn vị và cá nhân khác.

Cổ đông là tổ chức trong nước nắm hơn 60% cổ phần của Lasuco. Hầu hết là các cổ đông đầu tư dài hạn vào Lasuco. Đây là một trong những lý do khiến cho tính thanh khoản của Lasuco vẫn ở mức trung bình mặc dù được đánh giá là cổ phiếu tốt.

Công tác quan hệ cổ đông

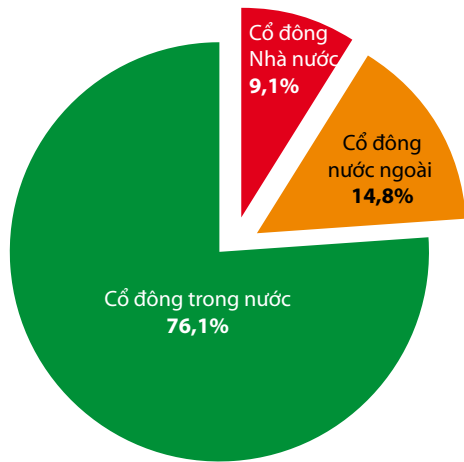
Lasuco thực hiện nghiêm túc việc công bố thông tin theo quy định của UBCK, đồng thời công ty cũng tăng cường các hoạt động công bố thông tin tự nguyện tới Cổ đông và cộng đồng Nhà đầu tư. Đáng chú ý trong năm 2011, công ty đã tổ chức thành công Hội nghị Nhà Đầu tư lần đầu tiên. Hội nghị nhận được những phản hồi tích cực từ cộng đồng Nhà đầu tư.

Trong năm 2012, Lasuco chủ trương thực hiện tốt hơn nữa các hoạt động quan hệ cổ đông thông qua việc thành lập Ban Quan hệ cổ đông – bộ phận chuyên trách, nhằm mục tiêu tăng cường tính minh bạch thông tin, chủ động làm cầu nối giữa Ban lãnh đạo công ty với cộng đồng Nhà đầu tư, đồng thời là “cánh tay phải” tư vấn và góp ý chiến lược cho Ban lãnh đạo công ty.

Cổ phiếu thưởng

Năm 2011 Công ty nâng vốn thực hiện chi trả cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 4:1 (cổ đông sở hữu 4 cổ phần cũ được 1 cổ phần mới)

Cơ cấu sở hữu tại thời điểm 01/03/2012



Một số chỉ tiêu so với các công ty niêm yết trên sàn (*)

	LSS	SBT	NHS	BHS	SEC	KTS
Doanh thu (tỷ đồng)	2.026	2.050	782	2,565	553	315
Lãi gộp (tỷ đồng)	607,8	603	143	270	152	94
Tỷ lệ lãi gộp	30%	29,4%	18,3%	10,5%	27,6%	29,9%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	413	546	80	147	99	67
Tỷ suất lợi nhuận ròng	20%	26,6%	10,3%	5,7%	17,9%	21,3%
Market Cap (tỷ đồng)	1.359	1.919	261	561	310	125
EPS (đồng)	9.156	3,974	9.928	4.908	5.673	17.151
Price (ngày 16/3/2012) (đồng)	27.000	15.000	25.800	18.700	17.800	32.100
Book value per share (đồng)	27.580	14.020	26.880	18.280	14.610	28.300
PE (lần)	3,25	3,70	2,70	3,81	3,14	1,87
Công Nợ/ VCSH	0,57	0,30	1,19	1,34	1,41	0,60
KLGD TB 3 tháng (cp)	92.642	174.980	4.950	12,918	2.476	2.555
GTGD TB 3 tháng (tỷ đồng)	1,95	2,34	0,13	0,24	0,04	0,09
Cao nhất 52 tuần qua	0,0%	-11,8%	-13,2%	-7,9%	-17,2%	-30,2%
Thấp nhất 52 tuần qua	71,5%	78,9%	24,0%	25,1%	17,9%	275,0%

LSS có doanh thu chỉ đứng sau SBT (Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh. EPS đứng thứ 2 sau NHS (Công ty cổ phần đường Ninh Hòa). Được đánh giá là cổ phiếu có thể đầu tư dài hạn với mức cổ tức hàng năm cao hơn 20% trong những năm gần đây.

Sở hữu của các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

		Thời điểm 25/03/2011		Thời điểm 01/03/2012	
	Chức vụ	Cổ phần	%	Cổ phần	%
Hội đồng Quản trị					
Lê Văn Tam	Chủ tịch HĐQT	556.000	1,39%	961.260	1,92%
Lê Thanh Tùng	Phó Chủ tịch HĐQT/Phó TGĐ	496.000	1,24%	562.050	1,12%
Lê Thị Tiến	Phó Chủ tịch HĐQT	38.800	0,10%	51.512	0,10%
Hà Đức Chính	Ủy viên HĐQT			29.992	0,06%
Trịnh Ngọc Long	Ủy viên HĐQT			-	0,00%
Ban Tổng Giám Đốc					
Lê Văn Thanh	Tổng Giám đốc	54.000	0,14%	70.312	0,14%
Đặng Thế Giang	Phó Tổng Giám đốc			38.837	0,08%
Lê Khắc Chung	Phó Tổng Giám đốc	30.000	0,08%	38.675	0,08%
Ban Kiểm Soát					
Lê Văn Quang	Trưởng Ban Kiểm soát	13.200	0,03%	17.505	0,04%
Lê Thị Tinh	Thành viên Ban Kiểm soát			3.125	0,01%
Đỗ Văn Mạnh	Thành viên Ban Kiểm soát	8.800	0,02%	12.500	0,03%
Kế toán trưởng					
Lê Thị Huệ	Kế toán trưởng			26.875	0,06%
Tổng cộng		1.196.800	3,9%	1.815.293	3,64%

Danh sách cổ đông lớn của LASUCO

Tên tổ chức/ cá nhân giao dịch	Thời điểm 01/03/2012	
	Cổ phần	%
Hiệp hội Mía đường Lam Sơn	9.170.000	18,3%
Tổng Công ty mía đường I- Công ty TNHH 1 thành viên	4.555.000	9,1%
Công ty CP Đầu tư phát triển Tân Thành Đạt	4.120.000	8,2%
Tổng cộng	17.845.000	35,6%

CÁC THÔNG TIN KHÁC

“ Hoạt động cộng đồng được Ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên Lasuco thực hiện thường xuyên, đặc biệt là các hoạt động từ thiện, trao thưởng cho học sinh con em trong vùng .v.v... Đây là những hoạt động mang tính chất thường niên của công ty hướng về cộng đồng và xã hội chung.”

Lasuco tự hào là đơn vị gắn bó với người dân Thanh Hóa, không chỉ tạo công ăn việc làm, tạo cơ hội phát triển đưa cây mía thành cây trồng chủ đạo trong vùng. Trong năm 2011, Công ty đã thực hiện một số hoạt động từ thiện xã hội như:

1. Trao học bổng từ Quỹ khuyến học mía đường Lam Sơn cho 6.622 học sinh là con em người trồng mía của 3 huyện Thường Xuân, Thọ Xuân, Ngọc Lặc với tổng giá trị 1,28 tỷ đồng.

2. Làm đường giao thông phục vụ dân sinh và vận chuyển mía cho bà con nông dân vùng mía đường Lam Sơn: 178 km đường cấp phối với tổng giá trị trên 22 tỷ đồng.

3. Với tinh nghĩa lá lành đùm lá rách, tương thân tương ái giúp đỡ Công ty đã làm được 41 nhà tình nghĩa tại 2 huyện nghèo 30a là Như Xuân, Bá Thước với tổng số tiền 1,23 tỷ đồng đồng

4. Ủng hộ chương trình người nghèo của tỉnh: Đóng góp vào quỹ vì người nghèo của Tỉnh Thanh Hóa với số tiền 300.000.000 đồng



5. Phụng dưỡng 16 mẹ Việt Nam Anh hùng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

6. Giúp đỡ cho hơn 30 tổ chức xã hội người tàn tật, các trại mồ côi 286 triệu đồng.

7. Tổ chức thành công giải bóng chuyền 13 huyện vùng mía tại Trung tâm văn hóa thể thao Lam Sơn



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

Ngành nghề hoạt động:

- Sản xuất phân bón;
- Xuất - Nhập khẩu phân bón;
- Dịch vụ vận tải đường bộ

Tổng Vốn điều lệ: 15,5 tỷ đồng

Tỷ lệ vốn góp: 58,06 %

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ GIỚI NÔNG NGHIỆP LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

Ngành nghề hoạt động:

- Dịch vụ làm đất nông nghiệp, cơ giới cày bừa
- Làm đường giao thông, thủy lợi
- Dịch vụ sửa chữa máy móc nông nghiệp

Tổng Vốn điều lệ: 7,11 tỷ đồng

Tỷ lệ vốn góp: 78 %

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LAM SƠN – SAO VÀNG

Địa chỉ: Thị trấn Sao Vàng, Thọ Xuân, Thanh Hóa

Ngành nghề hoạt động:

- Trồng trọt, chăn nuôi và kinh doanh các loại cây, con giống và thương phẩm;
- Chế biến và kinh doanh các sản phẩm từ trồng trọt và chăn nuôi;
- Sản xuất và kinh doanh các loại phân bón, vật tư phục vụ nông nghiệp;
- Sản xuất và kinh doanh các loại vật liệu xây dựng.
- Dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công trình thủy lợi.

Tổng Vốn điều lệ: 20 tỷ đồng

Tỷ lệ vốn góp: 100 %

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY LAM SƠN

Địa chỉ: Xã Vạn Thắng, Huyện Nông Cống, Thanh Hóa

Ngành nghề hoạt động:

- Sản xuất kinh doanh giấy và các sản phẩm từ giấy

Tổng Vốn điều lệ: 10,23 tỷ đồng

Tỷ lệ vốn góp: 68,12%

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI & DU LỊCH LAM SƠN

Địa chỉ: Số 6/34A Nguyễn Khoái – Quận Hai Bà Trưng – Hà Nội

Ngành nghề hoạt động:

- Kinh doanh thương mại đường, bánh kẹo, nước giải khát...
- Kinh doanh văn phòng, nhà hàng khách sạn
- Tư vấn thiế kế xây dựng công trình

Tổng Vốn điều lệ: 30 tỷ đồng

Tỷ lệ vốn góp: 100 %

CÔNG TY CP NCN DVTM VÂN SƠN

Địa chỉ: Xã Vân Sơn, Huyện Triệu Sơn, Thanh Hóa

Ngành nghề hoạt động:

- Trồng và phát triển mía nguyên liệu
- Tổ chức chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tập trung gắn với chế biến thực phẩm
- Sản xuất gạch nung và không nung
- Ứng dụng khoa học nông nghiệp công nghệ cao

Tổng vốn điều lệ: 12 tỷ đồng

Tỷ lệ góp vốn: 63,33%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI LAM SƠN

Địa chỉ: Số 235 Trần Phú, P. Ba Đình, Thanh Hóa

Ngành nghề hoạt động:

- Kinh doanh thương mại nhà hàng, khách sạn
- Dịch vụ đặt tiệc cưới, ăn hỏi, sinh nhật, tiệc đứng, tiệc ngồi, tiệc Buffet, cơm thân mật tại gia đình
- Kinh doanh thương mại đường, bánh kẹo...
- Kinh doanh dịch vụ sửa chữa oto

Tổng Vốn điều lệ: 61,24 tỷ đồng.

Tỷ lệ vốn góp: 16,33 %

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THANH HÓA

Địa chỉ: 25A Quang Trung, Phường Ngọc Trạo, Thanh Hóa

Ngành nghề hoạt động:

- Tổ chức các chương trình du lịch trọn gói với đội ngũ nhân viên nhiệt tình, giàu kinh nghiệm.
- Hệ thống khách sạn hiện đại, đầy đủ tiện nghi, luôn đem đến cho du khách những cảm giác tuyệt vời nhất.
- Dịch vụ đặt tiệc cưới, ăn hỏi, sinh nhật, tiệc đứng, tiệc ngồi, tiệc Buffet, cơm thân mật tại gia đình.

Tổng Vốn điều lệ: 11,99 tỷ đồng

Tỷ lệ vốn góp: 41,95 %

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân , Thanh Hóa

Ngành nghề hoạt động:

- Vận chuyển hàng hóa mía đường và các sản phẩm khác
- Kinh doanh xăng dầu, mua bán ô tô
- Kinh doanh sửa chữa các dịch vụ vận tải
- Kinh doanh bến bãi kho tàng

Tổng Vốn điều lệ: 10 tỷ đồng

Tỷ lệ vốn góp: 19 %

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU VIỆT NAM – THỤY ĐIỂN

Địa chỉ: Cụm CN Nam Phú Nghĩa, Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội.

Ngành nghề hoạt động:

- Chuyên sản xuất những loại rượu đạt chất lượng cao như ViKingVodka 350; ViKingVodka 700

Tổng Vốn điều lệ: 56 tỷ đồng

Tỷ lệ vốn góp: 38,39 %

TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ LAM KINH

Địa chỉ: 145 Dương Đình Nghệ, Thanh Hóa

- Ngành nghề hoạt động:
- Mở các lớp đào tạo nghề trồng mía cho học viên là lao động trực tiếp trồng mía trong vùng .
- Các học viên cũng sẽ được bồi dưỡng thêm kiến thức về an toàn lao động, về kỹ năng soạn thảo văn bản và tin học phổ thông.

Tổng vốn điều lệ: 30 tỷ đồng

Tỷ lệ vốn góp: 12,27%

CÔNG TY CP ĐT PT LAM SƠN – NHƯ XUÂN

Địa chỉ: Xã Xuân Hòa, Huyện Như Xuân, Thanh Hóa

Ngành nghề hoạt động:

- Đầu tư và phát triển các lĩnh vực công - nông, lâm nghiệp - du lịch - dịch vụ - thương mại và bất động sản

Tổng vốn điều lệ: 45 tỷ đồng

Tỷ lệ vốn góp: 11,11%

CÔNG TY CP ĐT PT LAM SƠN – BÁ THƯỚC

Địa chỉ: Thị trấn Cảnh Nang, Huyện Bá Thước, Thanh Hóa

Ngành nghề hoạt động:

Đầu tư và phát triển các lĩnh vực công - nông, lâm nghiệp - du lịch - dịch vụ - thương mại và bất động sản.

Tổng vốn điều lệ: 18 tỷ đồng

Tỷ lệ góp vốn: 55,56%



- Liên hiệp các hội UNECOS tặng bằng vàng doanh nghiệp văn hóa UNECO;
- Tiếp tục là năm thứ 5 xếp trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam
- Là năm thứ 3 liên tục Lasuco được vào top 1000 doanh nghiệp nộp thuế TN lớn nhất VN (đặc biệt xếp thứ 157/1000, năm 2010 xếp 302/1000);
- Đảng bộ được vinh danh top 100 tổ chức Đảng tiêu biểu trong các doanh nghiệp toàn quốc;
- Đảng bộ được Tỉnh ủy tặng bằng khen cùng 2 tập thể và 2 cá nhân;

- Hai cá nhân được thưởng Huân chương lao động hạng Ba;
- Chủ tịch HĐQT được tặng cúp vàng nhà quản lý giỏi; Danh hiệu doanh nhân làm theo lời Bác, TOP 24 doanh nhân "Bản lĩnh doanh nhân lập nghiệp" xuất sắc việt nam 2011, Cúp quốc tế QC 100 vinh danh nhà lãnh đạo xuất sắc;
- Công đoàn Công ty được tặng cờ thi đua toàn diện của LĐLĐ tỉnh;
- Hội CCB được TW hội tặng bằng khen;
- Đoàn thanh niên 3 tập thể được TW đoàn tặng bằng khen.





BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn được chuyển đổi từ Công ty Đường Lam Sơn (Doanh nghiệp Nhà Nước) theo Quyết định số 1133/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 056673 ngày 23 tháng 12 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, Công ty đi vào hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2000. Công ty đã được cấp mã số doanh nghiệp số 2800463346 sửa đổi lần thứ 07 ngày 08 tháng 06 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty tại Thị trấn Lam Sơn - Thọ Xuân - Thanh Hóa.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Văn Tam	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26/04/2011
Ông Bùi Xuân Sinh	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 26/04/2011
Ông Lê Thanh Tùng	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26/04/2011
Bà Lê Thị Tiến	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26/04/2011
Ông Nguyễn Bá Chủ	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 26/04/2011
Ông Lê Văn Tiến	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 26/04/2011
Ông Trịnh Ngọc Long	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26/04/2011
Ông Hà Đức Chính	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26/04/2011
Ông Phan Văn Ngọc	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 26/04/2011

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Văn Thanh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29/04/2011
Ông Lê Khắc Chung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29/04/2011
Ông Phạm Văn Huệ	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 29/04/2011
Ông Lê Văn Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 29/04/2011
Ông Lê Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29/04/2011
Ông Đặng Thế Giang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29/04/2011
Ông Trần Quốc Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29/04/2011

Các thành viên Ban Kiểm soát

Ông Lê Văn Quang	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26/04/2011
Bà Lê Thị Tiến	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 26/04/2011
Ông Đỗ Văn Mạnh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26/04/2011
Bà Lê Thị Tĩnh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26/04/2011

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC, ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 03 năm 2012

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Lê Văn Thanh

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Số: 370/2012/BC.KTTC-AASC.KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn được lập ngày 20 tháng 03 năm 2012 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được trình bày từ trang 5 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã

thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2012

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Quốc Dũng
Chứng chỉ KTV số: 0285/KTV

Kiểm toán viên


Phạm Anh Tuấn
Chứng chỉ KTV số: 0777/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011				
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.209.876.937.022	1.185.526.562.754
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	126.273.557.325	463.299.096.059
111	1. Tiền		19.895.598.158	15.899.096.059
112	2. Các khoản tương đương tiền		106.377.959.167	447.400.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	16.245.000.046	60.777.426.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		37.896.500.046	104.272.860.688
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(21.651.500.000)	(43.495.434.688)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		720.038.312.498	418.018.212.658
131	1. Phải thu khách hàng		126.173.127.635	56.148.639.612
132	2. Trả trước cho người bán		586.888.643.831	348.329.654.503
135	3. Các khoản phải thu khác	5	10.791.696.222	14.606.748.557
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	6	(3.815.155.190)	(1.066.830.014)
140	IV. Hàng tồn kho	7	199.672.381.599	149.241.128.157
141	1. Hàng tồn kho		199.688.381.599	149.420.837.571
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(16.000.000)	(179.709.414)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		147.647.685.554	94.190.699.880
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	34.348.077.204	23.598.682.755
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		16.242.054.166	748.177.956
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	9	18.432.643.910	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	10	78.624.910.274	69.843.839.169
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		981.801.862.300	364.352.970.607
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		10.802.679.521	7.539.175.762
218	1. Phải thu dài hạn khác	11	10.802.679.521	7.539.175.762
220	II. Tài sản cố định		875.305.730.999	233.868.521.921
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	238.533.227.102	210.820.503.318
222	- Nguyên giá		1.098.162.858.403	1.119.396.771.271
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(859.629.631.301)	(908.576.267.953)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	10.329.484.608	1.716.191.040
228	- Nguyên giá		16.087.601.731	6.192.349.921
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(5.758.117.123)	(4.476.158.881)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	626.443.019.289	21.331.827.563
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	15	79.401.692.258	113.044.986.379
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		14.791.062.314	39.970.649.527
258	2. Đầu tư dài hạn khác		85.950.222.660	85.381.686.062
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		(21.339.592.716)	(12.307.349.210)
260	V. Tài sản dài hạn khác		13.386.603.515	8.813.626.545
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	13.306.644.730	7.412.803.628
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	32.2	79.958.785	1.400.822.917
269	VI. Lợi thế thương mại		2.905.156.007	1.086.660.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.191.678.799.322	1.549.879.533.361

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)				
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		786.192.577.233	359.352.091.130
310	I. Nợ ngắn hạn		498.249.400.073	292.734.183.709
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	17	290.257.478.901	59.225.626.141
312	2. Phải trả người bán		49.798.619.685	77.574.488.437
313	3. Người mua trả tiền trước		2.436.300.000	39.252.162.003
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	48.222.373.396	54.194.241.281
315	5. Phải trả người lao động		24.083.849.659	21.804.696.407
316	6. Chi phí phải trả	19	3.459.927.796	2.727.733.459
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	20	36.256.874.542	19.674.207.879
323	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		43.733.976.094	18.281.028.102
330	II. Nợ dài hạn		287.943.177.160	66.617.907.421
333	1. Phải trả dài hạn khác	21	2.922.429.699	-
334	2. Vay và nợ dài hạn	22	164.584.340.000	5.942.111.391
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32.2	3.710.162.592	-
336	3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		2.468.853.001	1.654.594.776
339	4. Quỹ phát triển khoa học công nghệ		114.257.391.868	59.021.201.254
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.386.266.679.650	1.174.870.123.744
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	1.385.758.072.519	1.170.855.106.716
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		500.000.000.000	400.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		180.276.411.784	280.426.411.784
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		286.627.141	-
414	3. Cổ phiếu quỹ (*)		-	(105.600.000)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		251.355.702.138	127.828.935.642
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		42.263.182.070	27.209.004.541
419	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		122.354.932	291.530.458
420	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		411.453.794.454	335.204.824.291
430	II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác		508.607.131	4.015.017.028
432	1. Nguồn kinh phí		156.491.021	3.469.907.114
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		352.116.110	545.109.914
439	C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		19.219.542.439	15.657.318.487
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.191.678.799.322	1.549.879.533.361

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT					
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011					
Mã số	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
002	1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	VND		-	94.012.857.143
004	2. Nợ khó đòi đã xử lý	VND		641.869.740	610.503.034
005	3. Ngoại tệ các loại			-	-
005a	- Đô la Mỹ	USD		36.397,89	33.282,58

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



ĐỖ THỊ THANH HÀ

LÊ THỊ HUỆ

LÊ VĂN THANH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT				
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng	24	2.025.682.020.659	1.338.243.077.296
và cung cấp dịch vụ				
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	194.080.725	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26	2.025.487.939.934	1.338.243.077.296
11	4. Giá vốn hàng bán	27	1.417.667.990.177	860.214.846.740
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		607.819.949.757	478.028.230.556
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28	42.593.950.974	52.144.216.568
22	7. Chi phí tài chính	29	48.734.272.538	28.284.907.974
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		28.917.830.423	10.052.560.689
24	8. Chi phí bán hàng	30	27.457.893.653	20.678.243.975
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	112.909.198.861	86.564.232.015
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		461.312.535.679	394.645.063.160
31	11. Thu nhập khác		58.763.220.071	6.986.014.376
32	12. Chi phí khác		3.962.838.729	6.729.199.852
40	13. Lợi nhuận khác		54.800.381.342	256.814.524
45	14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		(7.055.698.905)	(817.523.741)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		509.057.218.116	394.084.353.943
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.1	91.049.385.430	94.014.137.544
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	32.2	5.031.026.724	(1.400.822.917)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		412.976.805.962	301.471.039.316
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		1.845.388.138	1.934.015.885
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		411.131.417.824	299.537.023.431
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	9.156	9.647

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đỗ Thị Thanh Hà

Lê Thị Huệ

Lê Văn Thanh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT				
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011				
Theo phương pháp gián tiếp				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyếtminh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		509.057.218.116	394.084.353.943
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		43.308.732.108	42.337.986.346
03	- Các khoản dự phòng		(10.227.075.420)	9.686.278.861
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(14.876.178.007)	6.418.892.406
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(52.350.280.868)	(41.512.033.494)
06	- Chi phí lãi vay		28.917.830.423	10.052.560.689
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		503.830.246.352	421.068.038.751
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		(219.208.182.072)	(129.990.580.294)
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		(50.267.544.028)	(24.930.605.470)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả		27.973.516.672	94.949.765.142
	(không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)			
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		(16.643.235.551)	(84.129.885.935)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(27.486.000.993)	(9.607.792.605)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(118.461.990.456)	(99.973.611.037)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.601.450.225	-
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(14.987.885.235)	(23.258.987.286)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		86.350.374.914	144.126.341.266
II. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(729.458.351.109)	(191.542.337.439)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		24.301.598.960	5.681.790.519
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(8.505.490.046)	(1.189.768.117)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		32.272.938.461	53.847.137.270
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(7.408.568.191)	(20.796.620.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		18.750.000.000	91.710.180.200
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		16.897.536.865	37.160.844.596
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(653.150.335.060)	(25.128.772.971)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyếtminh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	275.135.489.980
33	2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		791.195.317.787	206.497.209.317
34	3. Tiền chi trả nợ gốc vay		(421.745.770.449)	(247.010.783.034)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(139.739.057.250)	(50.478.099.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		229.710.490.088	184.143.817.263
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(337.089.470.058)	303.141.385.558
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		463.299.096.059	160.157.710.501
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		63.931.324	
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	126.273.557.325	463.299.096.059

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Thanh Hà

Lê Thị Huệ

Lê Văn Thanh



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn được chuyển đổi từ Công ty Đường Lam Sơn (Doanh nghiệp Nhà Nước) theo Quyết định số 1133/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 056673 ngày 23 tháng 12 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp. Công ty đi vào hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2000. Công ty đã được cấp mã số doanh nghiệp số 2800463346 sửa đổi lần thứ 07 ngày 08 tháng 06 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 là 500.000.000.000 đồng (Năm trăm tỷ đồng).

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ
Văn phòng Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	Thị trấn Lam Sơn, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa
Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Số 17 Mạc Thị Bưởi, Thành phố Hà Nội
Nhà máy cồn	Thị trấn Lam Sơn, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 1	Thị trấn Lam Sơn, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 2	Thị trấn Lam Sơn, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Nguyên liệu	Thị trấn Lam Sơn, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa

Công ty có các công ty con tại thời điểm 31/12/2011 bao gồm:

Tên Công ty	Trụ sở	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn	Thị trấn Lam Sơn, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa	78%	78%	Khai hoang làm đất, đường giao thông, sửa chữa ô tô
Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	Thị trấn Sao Vàng, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa	100%	100%	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi
Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	Thị trấn Lam Sơn, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa	58,06%	58,06%	Sản xuất phân bón, dịch vụ vận tải
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Du lịch Lam Sơn	Số 6/34A Nguyễn Khoái, Phường Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh bánh kẹo, dịch vụ du lịch, vận tải, Bất động sản
Công ty Cổ phần Giấy Lam Sơn Thanh Hóa	Xã Vạn Thắng, Huyện Nông Cống, Tỉnh Thanh Hóa	68,12%	68,12%	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm giấy
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Bá Thước (i)	Phố 3, Thị trấn Cành Nàng, Bá Thước, Thanh Hóa	93,27%	97,69%	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp
Công ty Cổ phần Nông Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Văn Sơn	Xã Văn Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	100%	100%	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi, sản xuất vật liệu xây dựng

(i): Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Bá Thước bao gồm: Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn đầu tư 10 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ 76,92%, các công ty con đầu tư 2,7 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ 20,77%/vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Bá Thước. Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Bá Thước là 93,27%.

Không có công ty con nào không được hợp nhất trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty có các công ty liên kết tại thời điểm 31/12/2011 bao gồm:

Tên công ty	Trụ sở	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa	Số 25A Quang Trung, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa	41,95%	41,95%	Kinh doanh nhà hàng, khách sạn. Lữ hành
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	Cụm Công nghiệp Nam Phú Mỹ, xã Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội	38,39%	38,39%	Chung cất, pha chế các loại rượu

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất đường;
- Chăn nuôi trâu bò;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán buôn tổng hợp;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Sản xuất cồn, nước uống có cồn và không có cồn;
- Chế biến các sản phẩm sau đường và các mặt hàng nông, lâm sản;
- Cung ứng vật tư, nguyên liệu sản xuất và các loại giống cây, con;
- Chế biến các sản phẩm cao su;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh;
- Sản xuất và kinh doanh khí, lỏng, rắn;
- Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị, và dịch vụ làm đất nông nghiệp, lâm nghiệp;
- Hoạt động nghiên cứu và phát triển khoa học trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính (hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP - Oracle E - Business Suite).

2.3. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày kết thúc năm tài chính. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất.

2.4.Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2.5.Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và được phân bổ trong 03 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

2.6.Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7.Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà đơn vị nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

2.8.Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

2.9 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10- 50 năm
- Máy móc, thiết bị	04 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	10 - 30 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 10 năm
- Phần mềm máy tính	05 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được trích khấu hao theo thời hạn sử dụng được cấp bởi các cơ quan có thẩm quyền.

2.10 . Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.11 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới

quá trình làm thủ tục vay.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.15 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trường hợp chính sách ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá số dư cuối năm tại các Công ty con khác biệt với chính sách của Công ty mẹ thì Báo cáo tài chính của Công ty con dùng để hợp nhất sẽ được điều chỉnh lại theo chính sách của Công ty mẹ.

2.16 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó. Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;
- Lỗ chênh lệch tỷ giá;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính. Riêng các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ được bù trừ với các khoản lãi do thay đổi tỷ giá hối đoái phát sinh trong năm tài chính.

2.18 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập Báo cáo tài

chính hợp nhất. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

2.19 . Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ

Trong năm, Công ty mẹ thực hiện trích lập Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ với tỷ lệ 10% thu nhập tính thuế trước khi xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp.

2.20 . Nguyên tắc lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn được lập tuân theo các quy định của chế độ kế toán và hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam như :

- Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp.
- Chuẩn mực kế toán số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con.
- Chuẩn mực kế toán số 07 - Kế toán các khoản đầu tư vào Công ty liên kết
- Chuẩn mực kế toán số 08 - Thông tin tài chính về những khoản góp vốn liên doanh
- Chuẩn mực kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái
- Chuẩn mực kế toán số 11 - Hợp nhất kinh doanh
- Chuẩn mực kế toán số 21 - Trình bày báo cáo tài chính
- Chuẩn mực kế toán số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Ban hành tại các Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).
- Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ- BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN		
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt	5.347.077.482	935.119.234
Tiền gửi ngân hàng	7.648.355.309	12.793.296.825
Tiền đang chuyển	6.900.165.367	2.170.680.000
Các khoản tương đương tiền	106.377.959.167	447.400.000.000
	126.273.557.325	463.299.096.059

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN		
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	32.175.500.000	90.272.860.688
Tiền gửi có kỳ hạn từ 01 năm trở xuống	-	14.000.000.000
Cho vay ngắn hạn	5.721.000.046	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	(21.651.500.000)	(43.495.434.688)
	16.245.000.046	60.777.426.000

		31/12/2011		31/12/2010	
		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		32.175.500.000		90.272.860.688	
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)		-	-	1.136.835	33.966.705.956
- Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VFMVF1)		-	-	84.790	2.685.074.732
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB)		-	-	218.558	21.445.580.000
- Quỹ Đầu tư doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam (VFMVF4)	2.970.000		30.145.500.000	2.970.000	30.145.500.000
- Quỹ Đầu tư năng động Việt Nam(VFMVFA)	200.000		2.030.000.000	200.000	2.030.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn từ 01 năm trở xuống			-		14.000.000.000
Cho vay ngắn hạn			5.721.000.046		-
- Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển			5.721.000.046		-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			(21.651.500.000)		(43.495.434.688)
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)			-		(15.549.978.956)
- Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VFMVF1)			-		(1.701.510.732)
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB)			-		(14.342.445.000)
- Quỹ Đầu tư doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam (VFMVF4)			(20.641.500.000)		(11.731.500.000)
- Quỹ Đầu tư năng động Việt Nam(VFMVFA)			(1.010.000.000)		(170.000.000)
			16.245.000.046		60.777.426.000

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC		
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Cho vay ngắn hạn	880.800.000	3.980.800.000
Phải thu CBCNV tiền vay VietinBank Thanh Hóa	182.081.212	182.081.212
Phải thu về tiền lãi dự thu	1.629.408.527	1.553.525.991
Phải thu tiền thuế TNCN của CBCNV	524.552.716	-
Phải thu tiền ứng trước để mua đất	1.704.072.100	1.704.072.100
Phải thu tiền ứng trước tiền máy thuê ngoài	423.142.812	656.207.518
Phải thu khác	5.447.638.855	6.530.061.736
	10.791.696.222	14.606.748.557

6 . DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI		
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Phải thu khách hàng	(3.483.587.081)	(1.027.479.619)
Trả trước cho người bán	(305.784.989)	(39.350.395)
Phải thu khác	(25.783.120)	-
	(3.815.155.190)	(1.066.830.014)

7 . HÀNG TỒN KHO		
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	62.512.552.103	3.138.821.769
Nguyên liệu, vật liệu	77.996.321.318	40.209.155.383
Công cụ, dụng cụ	1.611.814.727	1.037.065.753
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	35.327.642.424	15.815.693.200
Thành phẩm	16.330.356.812	79.640.650.235
Hàng hóa	5.909.694.215	9.579.451.231
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(16.000.000)	(179.709.414)
	199.672.381.599	149.241.128.157

8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN		
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Chi phí kiểm tu	12.456.010.195	10.708.950.156
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	3.059.556.389	952.551.074
Chi phí bảo trì điện lưới	1.933.358.532	1.425.477.249
Trợ giá ngọn mía giống, phân bón cho nông dân	9.320.666.934	6.320.371.227
Chi phí hội nghị, làm đường giao thông vùng mía	2.761.383.371	1.245.621.624
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	382.709.238	-
Bảo hộ lao động	362.154.438	405.264.470
Chi phí trả trước dài hạn khác	4.072.238.107	2.540.446.955
	34.348.077.204	23.598.682.755

9 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC		
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	18.410.664.082	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.979.828	-
	18.432.643.910	-

10 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC		
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tạm ứng	2.867.880.038	1.110.608.287
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	75.757.030.236	68.733.230.882
	78.624.910.274	69.843.839.169

(*) Đây là khoản ký quỹ mở L/C của Công ty tại Ngân hàng Sacombank Chi nhánh Thanh Hóa với mục đích thanh toán dự án đầu tư mở rộng nhà máy đường 2 với số tiền là 3.624.261,25 USD và 9.943 EURO.

11 . PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC		
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền đầu tư trồng cao su phải thu các đội	420.988.518	689.241.674
Nông trường Thống Nhất (Dự án nước tưới nhỏ giọt)	1.749.909.808	1.749.909.808
Nông trường Sông Âm	1.086.424.328	1.086.424.328
Khác	7.545.356.867	4.013.599.952
	10.802.679.521	7.539.175.762

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH		
Xem chi tiết Phụ lục 1		

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH			
	“Quyền sử dụng đất”	“ Phần mềm máy vi tính “	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu kỳ	745.878.600	5.446.471.321	6.192.349.921
Số tăng trong kỳ	8.579.729.820	1.315.521.990	9.895.251.810
- Mua TSCĐ trong kỳ	8.498.761.000	1.281.521.990	9.780.282.990
- Tăng khác	80.968.820	34.000.000	114.968.820
Số dư cuối kỳ	9.325.608.420	6.761.993.311	16.087.601.731
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	111.881.801	4.364.277.080	4.476.158.881
Số tăng trong kỳ	144.145.644	1.137.812.598	1.281.958.242
- Khấu hao TSCĐ trong kỳ	144.145.644	1.120.486.575	1.264.632.219
- Tăng khác	-	17.326.023	17.326.023
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	256.027.445	5.502.089.678	5.758.117.123
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	633.996.799	1.082.194.241	1.716.191.040
Tại ngày cuối kỳ	9.069.580.975	1.259.903.633	10.329.484.608

14 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG		
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	626.443.019.289	17.729.684.563
- Văn phòng Lam Sơn Sao Vàng	246.959.453	3.005.286.713
- Mở rộng nhà máy đường 2	566.275.500.551	11.504.701.874
- Khách sạn Lam Sơn	2.648.376.089	1.747.674.436
- Dự án nghiên cứu khoa học Rotocult	3.294.637.277	-
- Nhà xưởng, sản phoir, hệ thống thoát nước	-	200.928.379
- Dự án khu du lịch sinh thái Linh Sơn	24.258.040.679	474.498.900
- Dự án khu nhà làm việc, nhà ở và trạm y tế	357.085.460	-
- Dự án sử dụng bã mía làm nguyên liệu phát điện	21.675.742.646	52.380.952
- Dự án Dịch hèm cô đặc	510.654.400	510.654.400
- Dự án khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	456.700.000	-
- Dự án nhà máy gạch Tuynel	4.124.371.098	-
- Dự án đầu tư văn phòng giao dịch tại Bá Thước	2.501.016.363	-
- Các công trình khác	93.935.273	233.558.909
Mua sắm TSCĐ	-	3.602.143.000
- Mua sắm tài sản cố định	-	3.602.143.000
	626.443.019.289	21.331.827.563

15 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN		
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	14.791.062.314	39.970.649.527
- Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa	4.104.675.092	4.636.486.633
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Lam Sơn	-	11.540.366.925
- Công ty Cổ phần Giấy Lam Sơn Thanh Hóa	-	5.763.525.188
- Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam- Thụy Điển	10.686.387.222	18.030.270.781
Đầu tư dài hạn khác	85.950.222.660	85.381.686.062
Cho vay dài hạn	8.553.472.000	15.018.400.000
- Công ty Cổ phần Giấy Lam Sơn Thanh Hóa	-	4.418.400.000
- Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn	1.853.472.000	4.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Lam Sơn	6.600.000.000	6.600.000.000
- Khác	100.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	77.396.750.660	70.363.286.062
- Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Chứng khoán Con Hổ Việt Nam(Chiếm 6% vốn điều lệ)	30.300.000.000	30.300.000.000
- Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông (Chiếm 5,79% vốn điều lệ)	23.142.000.000	23.142.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Lam Sơn (Chiếm 19,8% vốn điều lệ)	10.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La	-	11.250.000.000
“- Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn (Chiếm 19% vốn điều lệ)”	1.900.000.000	1.900.000.000
- Trường Cao đẳng nghề Lam Kinh	5.179.854.253	3.771.286.062
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Như Xuân	6.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Bao bì Lam Sơn	299.515.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Bá Thước	575.381.407	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	(21.339.592.716)	(12.307.349.210)
	79.401.692.258	113.044.986.379

Đầu tư vào công ty liên kết				
Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2011 như sau:				
Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa	Thanh Hóa	41,95%	41,95%	Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, Lữ hành
- Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Hà Nội	38,39%	38,39%	Chung cất, pha chế các loại rượu

16 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN		
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Chi phí thuê đất	2.416.108.854	1.633.057.746
Dự án tưới nước ngầm Netafin	4.092.809.690	5.160.903.583
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	196.584.797	-
Chi phí quy hoạch sử dụng đất	2.782.000.091	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.819.141.298	618.842.299
	13.306.644.730	7.412.803.628

17 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN		
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Vay ngân hàng	261.632.478.901	43.749.750.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	49.890.000.000	
- Ngân hàng TMCP Á Châu	31.700.000.000	
- Ngân hàng ANZ Việt Nam	9.700.000.000	
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	89.847.877.782	18.686.700.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	3.722.000.000	1.063.050.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thanh Hóa	62.059.517.800	24.000.000.000
- Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	14.713.083.319	-
Vay đối tượng khác	600.000.000	1.000.000.000
- Quỹ khuyến học mía đường Lam Sơn	600.000.000	
- Công đoàn Công ty CP mía đường Lam Sơn		1.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	28.025.000.000	14.475.876.141
(chi tiết xem Thuyết minh số)		
	290.257.478.901	59.225.626.141

18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC		
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	16.736.444.377	10.839.555.584
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.508.991.298	43.233.354.048
Thuế thu nhập cá nhân	2.245.090.713	77.696.249
Thuế tài nguyên	335.364.067	-
Thuế nhà thầu	11.990.181.464	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	406.301.477	43.635.400
	48.222.373.396	54.194.241.281

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị

19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ		
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Cước vận chuyển phải trả	-	242.236.124
Chi phí điện nước phải trả	87.979.490	126.808.746
Chi phí thuê máy ủi bãi	-	103.480.336
Chi phí lãi vay phải trả	2.963.439.404	698.934.751
Chi phí sửa chữa tài sản	227.747.151	-
Trích trước chi phí vận chuyển hàng	131.814.842	-
Chi phí phải trả khác	48.946.909	1.556.273.502
	3.459.927.796	2.727.733.459

20 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC		
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	42.158.054	-
Kinh phí công đoàn	1.327.180.986	1.444.858.036
Bảo hiểm xã hội	400.149.475	443.268.042
Bảo hiểm y tế	53.692.869	-
Bảo hiểm thất nghiệp	23.537.134	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	34.410.156.024	17.786.081.801
- Cổ tức phải trả	1.380.332.750	239.390.000
- Phải trả tiền lãi vay	24.362.277	-
- Phải trả cho người lao động về nghỉ dưỡng sức	61.487.500	81.905.000
- Quỹ của Công nhân viên góp từ lương	14.830.669.073	14.830.669.073
- Phải trả công nhân viên về tiền ố m đau thai sản	404.524.492	61.475.092
- Tiền thưởng do vượt kế hoạch lợi nhuận	11.650.352.899	280.656.618
- Bảo lãnh thực hiện hợp đồng lao động	830.000.000	170.000.000
- Phải trả tiền đền bù	492.765.521	-
- Phải trả tiền mủ cao su	859.075.820	636.949.994
- Phải trả tiền thuê khoán đối với các máy cơ giới thuê ngoài	2.396.272.887	161.881.378
- Phải trả tiền cấp cho dự án Rotocult	234.901.000	-
- Các khoản phải trả khác	1.245.411.805	1.323.154.646
	36.256.874.542	19.674.207.879

21 . PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC		
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Vay không tính lãi	504.936.080	-
Phải trả kho bạc nhà nước dự án 327	1.409.925.000	-
Phải trả tiền đặt cọc	309.000.000	-
Quỹ dự phòng thiên tai	695.568.619	-
Phải trả khác	3.000.000	-
	2.922.429.699	-

22 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN		
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Vay dài hạn	164.584.340.000	5.942.111.391
Vay ngân hàng	162.584.340.000	5.942.111.391
Vay đối tượng khác	2.000.000.000	
	164.584.340.000	5.942.111.391

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn Ngân hàng tại Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

- Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa theo Hợp đồng số 01/2011/HĐODA-NHPTVN ngày 15/10/2011: Hạn mức tín dụng là 165 tỷ đồng; Mục đích vay để tài trợ cho việc đầu tư tài sản cố định của dự án Nhà máy điện năng lượng tái tạo sử dụng bã mía nhà máy đường Lam Sơn 2 mở rộng theo quyết định phê duyệt dự án số 164/QĐ-ĐLS; Thời hạn vay vốn là 10 năm; Lãi suất 11,4%/ năm (lãi suất có thể thay đổi theo thông báo của ngân hàng); Số dư nợ gốc tại 31/12/2011 là 38.409.340.000 đồng; Tài sản thế chấp là: 1. Toàn bộ toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có tham gia đầu tư dự án có giá trị 242.830.000.000 đồng. 2. Toàn bộ dây chuyền thiết bị của nhà máy cồn thực phẩm xuất khẩu 25 triệu lít/năm, giá trị: 323.165.000.000 đồng.
- Khoản vay Ngân hàng Quân đội theo Hợp đồng tín dụng số 265.11.840.538369.TD.DN ngày 18/04/2011: Hạn mức tín dụng 150.000.000.000 đồng; Mục đích vay thanh toán tiền mua máy móc thiết bị phần “chuẩn bị mía và máy khuếch tán” theo hợp đồng số 18HDM/ĐLS-KD ký với Công ty Chế tạo Công nghiệp Quốc gia (NHEC); Thời hạn giải ngân đến 31/12/2011; Lãi suất điều chỉnh hàng quý; Số dư nợ gốc tại 31/12/2011 là 150.000.000.000 đồng, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 26.400.000.000 đồng; Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- Khoản vay Công đoàn - Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn theo Hợp đồng tiền gửi số 02 HĐ/CD - Lasuco ngày 01/12/2011: Số tiền gửi là 2 tỷ đồng; Thời hạn gửi là 2 năm; Lãi suất 15%/ năm; Số dư nợ gốc tại 31/12/2011 là 2 tỷ đồng.

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay dài hạn Ngân hàng tại Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng

- Khoản vay của Ngân hàng Sài Gòn Thường Tín - Chi nhánh Thanh Hóa theo Hợp đồng tín dụng số LD0935500073 ngày 21/12/2009, thời hạn vay 48 tháng, số tiền vay 6.500.000.000 đồng lãi suất thay đổi theo từng giai đoạn, số dư nợ gốc vay đến 31/12/2011 là 2.200.000.000 đồng, trong đó nợ đến hạn trả trong năm 2012 là 1.625.000.000 đồng. Tài sản đảm bảo của khoản vay trung hạn trên là: 20 chiếc xe ô tô tải thùng, nhãn hiệu SITOM, tải trọng 7.705 tấn. Tổng giá trị tài sản được các bên thống nhất định giá là: 9.400.000.000 đồng.

23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU		
Xem chi tiết Phụ lục 2.		
Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011 số 352/NQ/2011/ĐLS-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2011, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận như sau:		
	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế năm 2010		296.783.481.409
Điều chỉnh lợi nhuận sau thuế năm 2010 theo Biên bản thanh tra thuế		300.000.000
Lợi nhuận còn lại các năm trước		33.065.122.010
Trích Quỹ Dự phòng tài chính	5%	14.839.174.070
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	10%	29.678.348.140
Quỹ Khen thưởng	5%	14.839.174.070
Quỹ Phúc lợi	5%	14.839.174.070
Chi trả cổ tức	35%	140.000.000.000
Thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận theo Nghị quyết ĐHCĐ năm 2010		21.856.696.281
Lợi nhuận còn lại bổ sung Quỹ Đầu tư Phát triển		94.096.036.788

a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu				
	31/12/2011	Tỷ lệ	31/12/2010	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
	Năm 2011		Năm 2010	
	VND		VND	
“Vốn góp của Nhà nước (Tổng Công ty Mía đường I)”	45.531.120.000	9,11%	36.242.900.000	9,11%
Các cổ đông khác	454.468.880.000	90,89%	363.757.100.000	90,89%
	500.000.000.000	100%	400.000.000.000	100%

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	400.000.000.000	300.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	100.000.000.000	100.000.000.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	500.000.000.000	400.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	140.000.000.000	50.478.099.000
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		

c) Cổ phiếu		
	31/12/2011	31/12/2010
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.000.000	40.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.000.000	40.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	40.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.000.000	40.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	40.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND / cổ phiếu		

e) Các quỹ của Công ty		
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	251.355.702.138	127.828.935.642
Quỹ dự phòng tài chính	42.263.182.070	27.209.004.541
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	122.354.932	291.530.458

24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	1.989.810.779.248	1.305.694.266.118
Doanh thu cung cấp dịch vụ	31.330.585.827	32.548.811.178
Doanh thu hoạt động khác	4.540.655.584	-
	2.025.682.020.659	1.338.243.077.296

25 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		
	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	192.168.725	-
Giảm giá hàng bán	1.912.000	-
	194.080.725	-

26 . DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng	1.989.616.698.523	1.305.694.266.118
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	31.330.585.827	32.548.811.178
Doanh thu thuần khác	4.540.655.584	-
	2.025.487.939.934	1.338.243.077.296

27 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn của hàng bán	1.390.547.494.618	839.624.957.860
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	22.600.862.905	20.589.888.880
Giá vốn hoạt động khác	4.519.632.654	-
	1.417.667.990.177	860.214.846.740

28 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.261.023.501	27.818.724.729
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	7.125.000	43.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.705.270.900	6.767.355.200
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	399.632
Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối năm	14.876.178.007	-
Lãi thanh lý các khoản đầu tư	9.144.750.000	7.842.206.200
Lãi bán hàng trả chậm	1.053.395.645	5.319.854.103
Doanh thu hoạt động tài chính khác	546.207.921	4.352.676.704
	42.593.950.974	52.144.216.568

29 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	28.917.830.423	10.052.560.689
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.217.571.445	716.041.054
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	6.418.892.406
Dự phòng giảm giá và lỗ thanh lý các khoản đầu tư	18.519.535.189	10.781.525.195
Chi phí tài chính khác	79.335.481	315.888.630
	48.734.272.538	28.284.907.974

30 . CHI PHÍ BÁN HÀNG		
	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	57.468.338	19.483.481
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.745.991.375	538.683.177
Chi phí nhân công	9.696.423.130	6.755.633.930
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.497.505.729	1.249.187.227
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.185.938.327	7.805.062.065
Chi phí khác bằng tiền	3.274.566.754	4.310.194.095
	27.457.893.653	20.678.243.975

31 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		
	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	625.269.933	614.109.909
Chi phí nhân công	24.843.812.697	17.451.286.648
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.328.249.639	5.121.649.042
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.954.956.957	1.672.827.493
Thuế, phí, lệ phí	951.347.897	619.231.750
Chi phí dự phòng	3.586.442.024	605.713.332
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	53.969.209.614	43.411.533.073
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.347.901.870	5.128.189.761
Chi phí khác bằng tiền	15.252.267.980	11.396.361.007
Phân bổ lợi thế thương mại	1.049.740.250	543.330.000
	112.909.198.861	86.564.232.015

32 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP		
32.1 . Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Thuế TNDN (thuế suất phổ thông 25%)	123.827.874.851	98.696.995.127
- Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	120.701.258.005	97.139.234.833
- Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	1.015.004.684	956.211.405
- Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	689.298.413	382.318.271
- Công ty Cổ phần Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn	98.556.374	31.644.698
- Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Du lịch Lam Sơn	605.542.000	187.585.920
- Công ty Cổ phần Giấy Lam Sơn Thanh Hóa	718.215.375	-
Thuế TNDN được miễn giảm	(33.150.874.442)	(3.016.419.422)
- Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	(32.902.410.512)	(2.514.967.400)
- Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	-	(478.105.703)
- Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	(171.341.911)	-
- Công ty Cổ phần Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn	(77.122.019)	(23.346.319)
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	372.385.021	(1.666.438.161)
- Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	262.957.046	(1.748.282.676)
- Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	2.632.014	81.844.515
- Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	31.423.543	-
- Công ty Cổ phần Giấy Lam Sơn Thanh Hóa	75.372.418	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	91.049.385.430	94.014.137.544

32.2 . Thuế thu nhập hoãn lại		
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	79.958.785	1.400.822.917
	79.958.785	1.400.822.917
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Chênh lệch tạm thời chịu thuế	3.710.162.592	-
	3.710.162.592	-
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả kinh doanh		
Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	3.710.162.592	-
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.400.822.917	-
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ (*)	(79.958.785)	(1.400.822.917)
	5.031.026.724	(1.400.822.917)

33 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU		
Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:		
	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông công ty mẹ	412.976.805.962	301.471.039.316
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	411.131.417.824	299.537.023.431
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	44.904.110	31.051.361
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.156	9.647

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán.

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

Đỗ Thị Thanh Hà

Kế toán trưởng

Lê Thị Huệ

Tổng Giám đốc

Lê Văn Thanh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ



BÁO CÁO KIỂM TOÁN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Số: 188/2012/BCKT-AASC.KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn được lập ngày 08 tháng 03 năm 2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được trình bày từ trang 5 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo

cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2012

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán (AASC)

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Dũng

Chứng chỉ KTV số: 0285/KTV

Kiểm toán viên

Phạm Anh Tuấn

Chứng chỉ KTV số: 0777/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011				
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.025.650.952.035	1.081.237.243.346
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	98.932.637.197	447.941.620.899
111	1. Tiền		9.054.678.030	4.541.620.899
112	2. Các khoản tương đương tiền		89.877.959.167	443.400.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	16.245.000.046	91.777.426.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		37.896.500.046	135.272.860.688
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(21.651.500.000)	(43.495.434.688)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		630.848.613.589	339.318.285.852
131	1. Phải thu khách hàng		51.353.206.939	27.630.296.444
132	2. Trả trước cho người bán		569.753.978.576	296.980.028.573
135	3. Các khoản phải thu khác	5	12.453.471.762	14.967.550.825
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	6	(2.712.043.688)	(259.589.990)
140	IV. Hàng tồn kho	7	134.077.850.727	109.278.230.493
141	1. Hàng tồn kho		134.077.850.727	109.278.230.493
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		145.546.850.476	92.921.680.102
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	33.706.753.120	23.129.775.755
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		15.244.980.000	-
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	9	18.210.664.082	-
158	2. Tài sản ngắn hạn khác	10	78.384.453.274	69.791.904.347
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		994.562.678.549	376.368.557.515
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		22.475.006.421	13.557.051.813
218	1. Phải thu dài hạn khác	11	22.475.006.421	13.557.051.813
220	II. Tài sản cố định		781.594.629.944	182.011.864.157
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	155.532.119.707	162.170.060.646
222	- Nguyên giá		946.782.676.565	1.034.156.401.508
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(791.250.556.858)	(871.986.340.862)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	10.243.175.139	1.716.191.040
228	- Nguyên giá		15.972.632.911	6.192.349.921
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(5.729.457.772)	(4.476.158.881)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	615.819.335.098	18.125.612.471
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	15	183.883.434.886	173.546.426.882
251	1. Đầu tư vào công ty con		90.515.323.886	62.746.593.886
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		29.573.390.000	41.086.790.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		86.001.396.253	85.659.075.156
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		(22.206.675.253)	(15.946.032.160)
260	V. Tài sản dài hạn khác		6.609.607.298	7.253.214.663
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	6.609.607.298	7.253.214.663
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.020.213.630.584	1.457.605.800.861

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011				
(tiếp theo)				
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		639.783.621.033	294.338.034.253
310	I. Nợ ngắn hạn		360.230.600.692	234.810.577.045
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	17	173.149.862.782	13.850.876.141
312	2. Phải trả người bán		35.701.727.563	73.656.767.436
313	3. Người mua trả tiền trước		15.510.007.000	39.251.240.683
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	42.509.184.421	52.521.391.316
315	5. Phải trả người lao động		18.734.786.022	19.712.055.247
316	6. Chi phí phải trả	19	1.780.933.583	1.234.943.793
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	20	30.471.532.503	17.016.192.126
323	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		42.372.566.818	17.567.110.303
330	II. Nợ dài hạn		279.553.020.341	59.527.457.208
334	1. Vay và nợ dài hạn	21	164.009.340.000	-
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	29.2	3.710.162.592	-
336	2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		1.243.209.085	778.789.158
339	3. Quỹ phát triển khoa học công nghệ		110.590.308.664	58.748.668.050
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.380.430.009.551	1.163.267.766.608
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	1.379.921.402.420	1.162.301.080.580
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		500.000.000.000	400.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		180.276.411.784	280.426.411.784
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		249.119.418.106	125.345.033.179
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		41.520.206.268	26.681.032.198
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		409.005.366.262	329.848.603.419
430	II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác		508.607.131	966.686.028
432	1. Nguồn kinh phí		156.491.021	421.576.114
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		352.116.110	545.109.914
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.020.213.630.584	1.457.605.800.861

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011					
Mã số	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
002	1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	VND		-	94.012.857.143
004	2. Nợ khó đòi đã xử lý	VND		641.869.740	610.503.034
005	3. Ngoại tệ các loại			-	-
005a	- Đô la Mỹ	USD		35.933,23	33.282,58

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

ĐỖ THỊ THANH HÀ

LÊ THỊ HUỆ

LÊ VĂN THANH

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH				
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	1.578.221.832.114	1.187.755.025.517
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.578.221.832.114	1.187.755.025.517
11	3. Giá vốn hàng bán	24	1.032.469.123.616	724.058.128.922
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		545.752.708.498	463.696.896.595
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	25	45.191.931.046	43.390.944.455
22	6. Chi phí tài chính	26	34.658.004.211	24.804.406.898
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		14.335.657.184	3.103.185.399
24	7. Chi phí bán hàng	27	17.265.962.863	16.521.210.050
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	93.367.447.731	76.236.879.607
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		445.653.224.739	389.525.344.495
31	10. Thu nhập khác		57.673.497.955	6.550.413.158
32	11. Chi phí khác		2.549.389.301	6.416.291.487
40	12. Lợi nhuận khác		55.124.108.654	134.121.671
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		500.777.333.393	389.659.466.166
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	88.061.804.539	92.875.984.757
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	29.2	3.710.162.592	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		409.005.366.262	296.783.481.409
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	9.108	9.552

Thanh Hóa, ngày 08 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

ĐỖ THỊ THANH HÀ

LÊ THỊ HUỆ

LÊ VĂN THANH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ				
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 Theo phương pháp gián tiếp				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		500.777.333.393	389.659.466.166
2. Điều chỉnh cho các khoản				
02	- Khấu hao tài sản cố định		29.712.314.577	32.800.598.506
03	- Các khoản dự phòng		(13.130.837.897)	12.208.070.292
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(14.876.178.007)	6.418.892.406
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(56.637.750.378)	(31.102.465.568)
06	- Chi phí lãi vay		14.335.657.184	3.103.185.399
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		460.180.538.872	413.087.747.201
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		(221.935.630.348)	(85.423.488.757)
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		(24.799.620.234)	(36.223.771.336)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		12.554.588.938	88.479.224.253
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		(9.933.370.000)	(83.458.548.128)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(13.511.668.222)	(3.091.257.768)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(117.276.500.027)	(100.385.159.464)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.198.249.171	384.000.000
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(14.972.587.125)	(24.980.214.444)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		71.504.001.025	168.388.531.557
II. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(705.555.304.832)	(179.158.360.133)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		25.058.058.457	5.248.230.519
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(20.905.490.046)	(91.269.704.468)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		89.772.938.461	110.877.389.093
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(32.663.898.191)	(61.716.620.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		18.750.000.000	120.777.058.925
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		20.517.772.746	27.779.223.919

30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(605.025.923.405)	(67.462.782.145)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	275.135.489.980
33	2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	594.562.006.367	109.839.679.452
34	3. Tiền chi trả nợ gốc vay	(271.253.679.726)	(141.195.289.824)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(138.859.057.250)	(50.478.099.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	184.449.269.391	193.301.780.608
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(349.072.652.989)	294.227.530.020
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	447.941.620.899	153.714.090.879
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	63.669.287	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ 3	(98.932.637.197)	447.941.620.899

Thanh Hóa, ngày 08 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

ĐỖ THỊ THANH HÀ

Kế toán trưởng

LÊ THỊ HUỆ

Tổng Giám đốc



LÊ VĂN THANH



KHU NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO GẮN VỚI DU LỊCH SINH THÁI LỊCH SỬ TÂM LINH LINH SƠN